



VIETFUND
MANAGEMENT

QUỸ ETF VFMVN30

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG

Tp. Hồ Chí Minh, T7/ 2014

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ này ra công chúng chỉ có nghĩa là đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ này đã được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư của quỹ hoán đổi danh mục.

Quỹ ETF VFMVN30 được mô tả trong Bản cáo bạch này là quỹ hoán đổi danh mục được thành lập theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Bản cáo bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 04 tháng 07 năm 2014.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ETF VFMVN30

CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC VFMVN30

(Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 52/GCN-UBCK

do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/07/2014

Ngày đăng ký và hiệu lực của Bản cáo bạch: 04/07/2014.

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management)

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3825 1488

Fax: (84-8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 5A2, Tầng 5A, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3942 8168

Fax: (84-4) 3942 8169

- Bản cáo bạch, báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính sẽ được cung cấp tại công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định của Quỹ ETF VFMVN30 và tại trang web www.vinafund.com.
- Bản cáo bạch có thể được cập nhật ít nhất sáu (06) tháng một (01) lần.

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

ÔNG PHẠM KHÁNH LYNH – Phó Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3825 1488

Fax: (84-8) 3825 1489

BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 52/GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;

Xét hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng của Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý các công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng cho:

QUỸ ETF VFMVN30

Tên Tiếng Anh: VFMVN30 ETF

Công ty quản lý quỹ: Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Điều 2. Quỹ ETF VFMVN30 được đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng theo các nội dung sau:



1. Vốn huy động tối thiểu: 50.000.000.000 VNĐ (năm mươi tỷ đồng)
2. Mệnh giá chứng chỉ quỹ: 10.000 (mười nghìn) đồng
3. Loại hình quỹ đầu tư chứng khoán: Quỹ hoán đổi danh mục (Quỹ ETF)

Điều 3. Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam, Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) và các bên liên quan phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam; một (01) bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Long



Đây là những thông tin quan trọng dành cho nhà đầu tư trước khi thực hiện việc đăng ký mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Nhà đầu tư cần đọc và nghiên cứu kỹ trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ.

Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được phép phát hành ra công chúng dựa trên những thông tin và cam kết được công bố tại Bản cáo bạch này. Bất kỳ thông tin hoặc cam kết nào khác do người môi giới, đại lý phân phối hay những người khác đưa ra sẽ không được xem là đưa ra theo sự ủy quyền của Quỹ, Công ty quản lý quỹ hay người đại diện của Quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ. Không người nào có quyền đưa ra bất kỳ thông tin hay cam kết nào khác với những nội dung trong Bản cáo bạch này và những văn bản đính kèm. Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được phát hành dựa trên những thông tin và cam kết được công bố trong Bản cáo bạch và thông tin tài chính đi kèm. Việc lưu hành Bản cáo bạch cũng như phân phối hay phát hành Chứng chỉ Quỹ trong bất kỳ trường hợp nào cũng không tạo ra bất kỳ sự ám chỉ nào về việc không có bất kỳ thay đổi nào về tình hình hoạt động của Quỹ kể từ ngày ban hành Bản cáo bạch này.

Bản cáo bạch này không tạo ra việc chào bán hoặc thuyết phục bởi bất kỳ người nào tại bất kỳ quốc gia nào mà việc chào bán hoặc thuyết phục đó không được phê chuẩn hoặc chào bán hoặc thuyết phục cho bất kỳ người nào không được phép theo quy định pháp luật của nước đó. Việc lưu hành Bản cáo bạch và phân phối chứng chỉ quỹ ở một số quốc gia có thể bị giới hạn bởi luật pháp nước đó. Nhà đầu tư có nhu cầu đăng ký mua chứng chỉ quỹ có trách nhiệm cập nhật, hiểu và tuân thủ bất kỳ hạn chế nào nói trên cùng với các quy định luật pháp về quản lý ngoại hối, thuế quan hiện hành tại nước nơi họ cư trú, thường trú hoặc tạm trú.

Nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cần tham khảo ý kiến chuyên môn để biết thêm về vấn đề thuế, các quy định pháp luật và các giao dịch ngoại tệ và biện pháp kiểm soát hối đoái liên quan đến việc mua, bán và nắm giữ chứng chỉ Quỹ sẽ bị điều chỉnh bởi pháp luật của nước mình như thế nào.

Nhà đầu tư nên hiểu và đồng ý rằng giá trị chứng chỉ quỹ và thu nhập (nếu có) từ việc đầu tư vào Quỹ có thể tăng lên hay giảm xuống. Theo đó, tại thời điểm giải thể Quỹ, giá trị thu hồi của các chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ có thể thấp hơn giá trị ban đầu.

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng, kết quả hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ VFM không nhất thiết hàm ý rằng hiệu quả hoạt động trong tương lai của Công ty cũng sẽ như vậy.

Nhà đầu tư cần đọc kỹ Bản cáo bạch này, Điều lệ Quỹ và các tài liệu khác có liên quan đến Quỹ ETF VFMVN30 do Công ty quản lý quỹ VFM và các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được Công ty quản lý quỹ VFM chỉ định, được nêu trong Bản cáo bạch này trước khi đầu tư vào Quỹ.

Đặc biệt, giá trị chứng chỉ Quỹ, khả năng sinh lời và mức rủi ro được xác định trong tài liệu này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường. Việc đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 không hàm ý bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư, nhà đầu tư cũng cần xem xét kỹ các yếu tố rủi ro trong việc đầu tư vào chứng chỉ Quỹ được nêu trong Bản cáo bạch này.

CHƯƠNG I: NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ chức phát hành	7
2. Ngân hàng giám sát	7
CHƯƠNG II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA	8
CHƯƠNG III. TRIỂN VỌNG, CƠ HỘI ĐẦU TƯ	14
1. Kinh tế vĩ mô	14
2. Giới thiệu chỉ số VN30	16
3. Cơ hội đầu tư vào Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs)	18
CHƯƠNG IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	19
1. Giới thiệu về Công ty Quản lý quỹ VFM	19
2. Giới thiệu về Nhân viên quản trị Quỹ	24
3. Thành viên lập quỹ	24
4. Danh sách Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	25
CHƯƠNG V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	25
CHƯƠNG VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN	25
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ	26
CHƯƠNG VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYỂN NHƯỢNG	26
CHƯƠNG IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ETF VFMVN30	27
1. Thông tin chung về Quỹ ETF VFMVN30	27
2. Mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư vào Quỹ	27
3. Các rủi ro đầu tư vào Quỹ	29
CHƯƠNG X. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU (IPO) VÀ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF VFMVN30	32
1. Căn cứ pháp lý	32
2. Chào bán chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng (IPO)	33
3. Giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 (Giao dịch sơ cấp)	39
4. Các trường hợp giao dịch hoán đổi không hợp lệ	47
5. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở Giao dịch Chứng khoán (Giao dịch thứ cấp)	47
6. Công bố giá trị tài sản ròng và tình hình giao dịch	47
CHƯƠNG XI. PHÍ, LỆ PHÍ	52
1. Các loại phí do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trả	52
2. Các loại phí do Quỹ trả	52
3. Các chỉ tiêu hoạt động	55
4. Phương thức phân phối lợi nhuận của Quỹ	56
5. Kết quả hoạt động của Quỹ	56
6. Điều lệ quỹ	57
7. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	59
CHƯƠNG XIII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	59
CHƯƠNG XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO NHÀ ĐẦU TƯ	61
CHƯƠNG XV. CAM KẾT	61
CHƯƠNG XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	61
PHỤ LỤC 1. Danh sách Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối và Đại điểm cung cấp Bản cáo bạch của Quỹ ETF VFMVN30	62
PHỤ LỤC 2. Các biểu mẫu đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ và giao dịch hoán đổi Quỹ ETF VFMVN30	63

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8) 3825 1488

Fax: (84-8) 3825 1489

Ông **DOMINIC SCRIVEN**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **TRẦN THANH TÂN**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Ông **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**

Chức vụ: **Giám đốc tài chính**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG TNHH MỘT THÀNH VIÊN STANDARD CHARTERED (VIỆT NAM)

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nirukt Sapru**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM).

Chúng tôi, với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ chịu trách nhiệm theo các quy định trong phạm vi Hợp Đồng Cung Cấp Dịch Vụ Giám Sát Quỹ được ký kết giữa chúng tôi với Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM), là công ty quản lý quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 và theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng bởi Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM) và các bên khác có trách nhiệm theo luật định.

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ ETF VFMVN30”	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ. Chứng chỉ quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ Quỹ.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn, được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301103908 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. HCM cấp lần đầu vào ngày 13/01/1992, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM”	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội”	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là VSD) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm một thành viên hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Ngân hàng giám sát và lưu ký”	(Sau đây gọi tắt là ngân hàng giám sát) là Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam), một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (được sửa đổi vào từng thời điểm) & được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ ETF VFMVN30, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền & nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ.

“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ ETF VFMVN30, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF VFMVN30 và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Thành viên lập quỹ”	Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc Ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký, đã ký hợp đồng lập Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ VFM.
“Tổ chức tạo lập thị trường”	Là thành viên lập quỹ được Công ty quản lý quỹ VFM lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ ETF VFMVN30. Công ty quản lý quỹ VFM có thể chỉ định một hoặc một số thành viên lập quỹ làm tổ chức tạo lập thị trường quỹ ETF VFMVN30.
“Đại lý phân phối”	Là các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 với Công ty quản lý quỹ VFM và thành viên lập quỹ.
“Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan”	Là ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp một hoặc một số các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quan hệ khách hàng.
“Điều lệ quỹ”	Điều lệ quỹ lần đầu do Công ty quản lý quỹ VFM xây dựng theo mẫu quy định tại Thông tư số 229/2012/TT-BTC. Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đăng ký mua chứng chỉ quỹ ETF được coi là đã thông qua Điều lệ lần đầu này.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ và các tổ chức có liên quan của Quỹ.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ ETF VFMVN30. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ ETF VFMVN30.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 tại thời điểm kết thúc đợt chào bán lần đầu ra công chúng và được ghi trong điều lệ quỹ.

“Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ ETF VFMVN30. Mệnh giá chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
“Lô chứng chỉ quỹ”	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm tối thiểu một trăm nghìn (100.000) chứng chỉ quỹ và được quy định cụ thể tại mục 2.1, phần X của Bản cáo bạch. Lô chứng chỉ quỹ ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Công ty quản lý quỹ VFM có quyền điều chỉnh số lượng chứng chỉ quỹ trong một lô chứng chỉ quỹ ETF tuy nhiên vẫn phải bảo đảm một lô có không ít hơn 100.000 (một trăm nghìn) chứng chỉ quỹ.
“Chỉ số tham chiếu VN30”	Là Chỉ số VN30, chỉ số theo quy mô vốn hóa, gồm 30 công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết về chỉ số VN30 được nêu rõ tại trang web www.hsx.vn .
“Chứng khoán cơ cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số tham chiếu VN30.
“Danh mục chứng khoán cơ cấu”	<p>Là danh mục bao gồm các chứng khoán cơ cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu và được Công ty quản lý quỹ VFM chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.</p> <p>Danh mục chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Bao gồm tối thiểu 85% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu (danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu); b) Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu; c) Khi HOSE thực hiện thay đổi định kỳ hoặc bất thường danh mục chỉ số VN30 thì số chứng khoán cơ cấu trong giao dịch hoán đổi có thể thấp hơn 85% số chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30 (nhưng vẫn đảm bảo tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành chỉ số tham chiếu) và/hoặc giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu có thể thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.
“Giá phát hành lần đầu”	<p>Là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc phân phối các lô chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ để thu lại danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Giá phát hành bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm phí phát hành quy định tại điểm a, mục 1.1, Phần XI của Bản cáo bạch này.</p>

“Giá giao dịch hoán đổi”	<p>Là mức giá mà công ty quản lý quỹ dùng làm cơ sở thực hiện việc hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu từ nhà đầu tư, thành viên lập quỹ và ngược lại.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy một lô chứng chỉ quỹ (hay còn gọi là giá phát hành) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày làm việc liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p> <p>Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (hay còn gọi là giá mua lại) bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi.</p>
“Giá trị giao dịch”	<p>Giá trị giao dịch trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, bằng tổng mệnh giá của một lô chứng chỉ quỹ nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ được phân phối.</p> <p>Giá trị giao dịch hoán đổi bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi nhân với số lượng lô chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi.</p>
“Phí phát hành”	<p>Là phí mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi mua các lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy các lô chứng chỉ quỹ.</p> <p>Phí này được thu khi thực hiện giao dịch và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của các lô chứng chỉ quỹ. Phí phát hành này sẽ được quy định tại điểm a, b, mục 1.1, Phần XI của Bản cáo bạch này.</p>
“Phí mua lại”	<p>Là phí mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu.</p> <p>Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch hoán đổi. Phí mua lại này sẽ được quy định tại mục 1.2, Phần XI của Bản cáo bạch này.</p>
“Lợi tức quỹ”	<p>Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ ETF VFMVN30 sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.</p>
“Ngày đóng Quỹ”	<p>Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng.</p>
“Năm tài chính”	<p>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ được tính từ ngày Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó hoặc đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.</p>

“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ ETF VFMVN30 là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ”	Bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.
“Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ”	<p>(Sau đây gọi tắt là iNAV) là giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 được xác định trên cơ sở giá thị trường của chứng khoán cơ cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất, trong phiên giao dịch. Giá trị này được tính và cung cấp bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.</p> <p>Giá trị tài sản ròng tham chiếu trên một chứng chỉ quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá trị tài sản ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM và trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.</p>
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 theo quy định pháp luật hiện hành.
“Hoán đổi danh mục”	Là việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản cáo bạch, Điều lệ Quỹ.
“Lệnh giao dịch hoán đổi”	Bao gồm lệnh mua, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận danh mục chứng khoán cơ cấu và phát hành các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30, và lệnh bán, trong đó thành viên lập quỹ, nhà đầu tư yêu cầu quỹ tiếp nhận các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu.
“Ngày giao dịch hoán đổi”	Là ngày định giá mà Quỹ ETF VFMVN30, thông qua Công ty quản lý quỹ VFM, phát hành và mua lại các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối, thành viên lập quỹ nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch hoán đổi. Thời điểm đóng sổ lệnh không được muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường trong ngày giao dịch hoán đổi của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM và được quy định cụ thể trong Bản cáo bạch. Trong trường hợp có thay đổi thời điểm đóng sổ lệnh Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo trước trên trang thông tin điện tử và cập nhật vào Bản cáo bạch.

“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”

Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ VFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng đã ký với Công ty quản lý quỹ VFM;

“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”

Là dịch vụ được Công ty quản lý quỹ VFM ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý Sổ đăng ký nhà đầu tư, hệ thống các tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ đăng ký nhà đầu tư;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ VFM.

“Các định nghĩa khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

1. KINH TẾ VĨ MÔ: HỒI PHỤC CHO GIAI ĐOẠN TĂNG TRƯỞNG MỚI

Sau nhiều bất ổn trong giai đoạn 2010-2011 và khó khăn kéo dài trong năm 2012, kinh tế Việt Nam đã thực sự có nhiều chuyển biến tích cực trong năm 2013, làm tăng niềm tin vào sự phục hồi và khả năng bắt đầu của một chu kỳ tăng trưởng mới.

GDP & sản xuất công nghiệp phục hồi

Nhờ hướng đi đúng của chính sách tiền tệ và các điều chỉnh tích cực của chính sách, nền kinh tế đã được cải thiện về tính ổn định và phục hồi tăng trưởng. Theo đó, GDP tăng trưởng 5,4% trong 2013, khá quan so với 5% của năm 2012.

Tăng trưởng này nhờ vào mức hồi phục của sản xuất công nghiệp và dịch vụ với mức tăng lần lượt 5,4% và 6,6%. Thêm vào đó, xu hướng tăng trưởng của GDP khá tốt với quý 4 tăng mạnh 6,0% so với 5,54%, 5%, và 4,76% của ba quý trước đó.

Hoạt động sản xuất có xu hướng mở rộng và hồi phục tốt hơn vào 6 tháng cuối năm. Theo đó, chỉ số nhà mua hàng (PMI) do HSBC công bố cho thấy chỉ số của tháng 12 đạt 51,8 điểm, cao nhất từ 4/2011. Chỉ số này duy trì ở mức cao hơn 50 trong 4 tháng cuối năm liên tục, chỉ dấu của việc mở rộng của sản xuất.

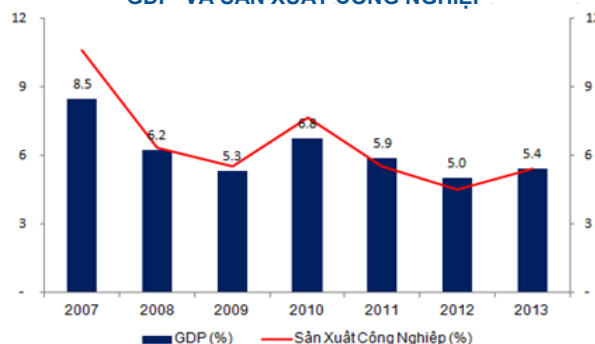
Với hiệu quả của các đợt cắt giảm lãi suất và các gói hỗ trợ khác cho nền kinh tế, sản xuất đã thực sự cải thiện dần và theo chiều hướng tích cực. Thêm vào đó, sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam (Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản) và sự quay trở lại của tiêu dùng trong nước đã thúc đẩy sản xuất và các yếu tố này được dự báo sẽ tiếp tục hỗ trợ kinh tế trong năm 2014.

Xu hướng bán lẻ hàng hóa tích cực

Tăng trưởng bán lẻ đang trong xu hướng tăng nhẹ từ đầu năm, sau khi suy giảm mạnh từ cuối 2012. Nếu điều chỉnh cho lạm phát, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ chỉ tăng 5,6%, thấp hơn so với 6,0% của cùng kỳ 2012 nhưng xu hướng đang trở nên tích cực hơn từ đầu năm 2013.

Với việc lạm phát tiếp tục được kiểm soát và kinh tế dần phục hồi, bán lẻ hàng hóa và tiêu thụ trong nước được dự báo sẽ cải thiện đáng kể trong năm 2014.

GDP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP



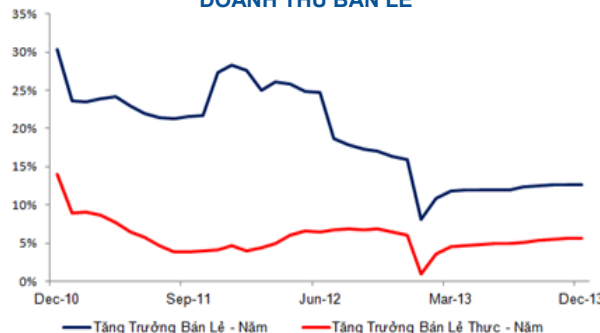
Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

CHỈ SỐ HSBC VIETNAM PMI



Nguồn: Markit

DOANH THU BÁN LẺ



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

Lạm phát thấp nhất 10 năm

Lạm phát ổn định hơn trong ba tháng cuối năm sau khi tăng mạnh tháng Chín với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,51% trong tháng 12, đưa chỉ số này tăng lên 6,04% so với cuối năm 2012. Việc kiềm chế lạm phát đã có ảnh hưởng tích cực đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện niềm tin vào tiền đồng, và giữ vững tỷ giá hối đoái.

Xu hướng lạm phát thế giới vẫn sẽ thấp trong những tháng đầu năm 2014. Tuy nhiên, lạm phát ở Việt Nam sẽ chịu nhiều ảnh hưởng của thị trường trong nước hơn như thay đổi của chính sách tài khoá, điều chỉnh giá các loại nhiên liệu và điện theo giá thị trường. Do đó, ước tính lạm phát sẽ ở khoảng 6%-7% trong 2014.

Đầu tư cho tăng trưởng trở lại

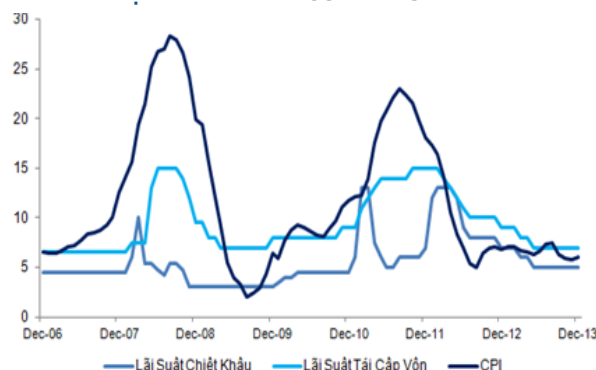
Tổng đầu tư toàn xã hội đang ở mức thấp nhất trong 12 năm qua, đạt 30,4% GDP, dẫn đến mức tăng trưởng thấp trong 3 năm gần đây. Chính phủ đang đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng với kế hoạch phát hành thêm 170 nghìn tỷ cho các dự án quốc lộ và hạ tầng quan trọng khác trong 2014-2016. Thêm vào đó, vốn FDI tăng mạnh và sản xuất trong nước quay trở lại trong bối cảnh lãi suất giảm sẽ thúc đẩy đầu tư tư nhân. Đây là sẽ nguồn lực tăng thêm tiếp sức cho tăng trưởng kinh tế trong trung hạn.

Tín dụng tăng trưởng khả quan và nợ xấu đang dần được cơ cấu

Tín dụng tăng trưởng tốt hơn trong quý 4 sau khi tăng chậm vào đầu năm do ngân hàng lo ngại rủi ro hơn, nhu cầu thấp, và lãi suất cho vay vẫn ở mức cao. Cho vay đến cuối năm 2013 tăng 8,8% sau khi giảm nhẹ trong hai tháng đầu năm. Tuy mức này không đạt mong đợi 12% từ đầu năm, đây là mức tăng trưởng khá tốt trong điều kiện kinh tế vẫn chưa có nhiều biến chuyển mạnh.

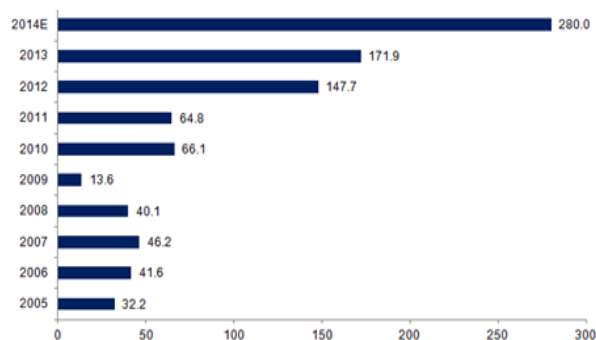
Với xu hướng lãi suất cho vay đã giảm xuống mức bình quân 12% so với 15% của cuối 2012 và hoạt động sản xuất đang dần mở rộng, tín dụng có xu hướng sẽ tăng tốt trong năm 2014, ước tính khoảng 12%-14%. Trong khi đó, nợ xấu đang được các ngân hàng xử lý và cơ cấu lại thông qua VAMC, giúp khai thông vốn tín dụng cho nền kinh tế.

LẠM PHÁT VÀ LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH



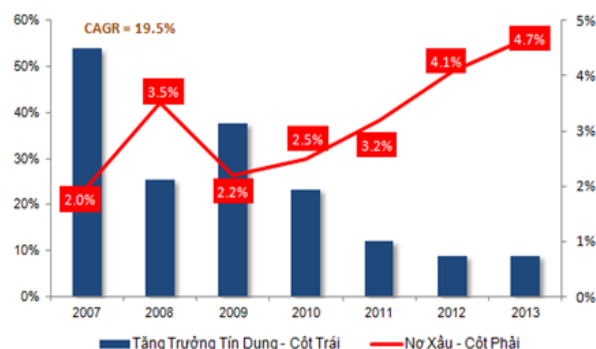
Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

TRÁI PHIẾU KHO BẠC



Nguồn: HSC, VFM

TÍN DỤNG & NỢ XẤU



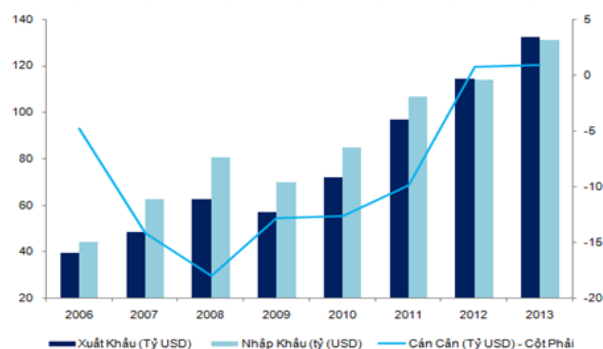
Nguồn: Ngân Hàng Nhà Nước

Xuất khẩu tiếp tục là điểm sáng và tỷ giá ổn định

Xuất khẩu nổi lên như một điểm sáng của kinh tế 2012 và tiếp tục trong 2013. Theo đó, xuất khẩu đạt 132,2 tỷ đô-la Mỹ, tăng 15,4%. Nhờ vào việc thu hút và giải ngân vốn FDI trong nhiều năm qua, doanh nghiệp nước ngoài tiếp tục là trụ cột của xuất khẩu, đem lại 2/3 giá trị xuất khẩu và tăng 22,4%, bỏ xa khu vực trong nước với mức tăng khiêm tốn 3,5%.

Thặng dư thương mại đạt 900 triệu đô-la Mỹ trong năm 2013. Cán cân thanh toán tốt trong 2012 và 2013 đã giúp tăng dự trữ ngoại hối lên hơn 32 tỷ đô-la Mỹ từ mức 20 tỷ đô-la Mỹ cuối 2012. Nhờ đó, tỷ giá được ổn định suốt năm 2013 và có xu hướng tiếp tục ổn định trong 2014.

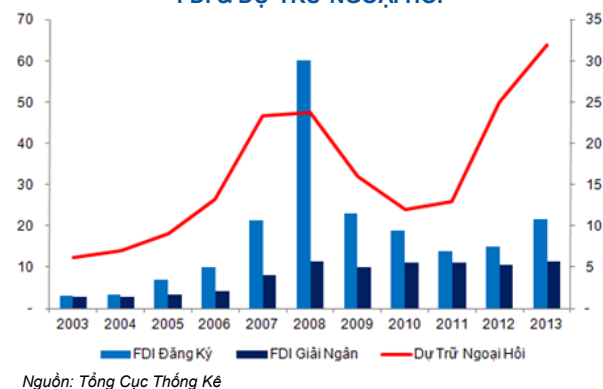
XUẤT NHẬP KHẨU



Đầu tư nước ngoài tăng cao

Trong 6 năm gần đây, dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh và thực hiện, góp phần lớn cho kết quả xuất khẩu ấn tượng và tăng trưởng kinh tế. Thêm vào đó, cơ cấu FDI cải thiện tích cực theo hướng hơn 85% vốn đăng ký vào các doanh nghiệp chế tạo và sản xuất, thay vì vào các dự án bất động sản và giải trí trước đây. Việc nền kinh tế phục hồi, gia nhập TPP, và hấp dẫn của thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục xu hướng thu hút vốn trực tiếp FDI và vốn đầu tư gián tiếp FII trong thời gian tới. Điều này tiếp tục giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, ổn định tỷ giá, và phát triển thị trường vốn trong nước.

FDI & DỰ TRỮ NGOẠI HỐI



2. GIỚI THIỆU CHỈ SỐ VN30

Chỉ số VN30 là chỉ số bao gồm 30 công ty có giá trị vốn hoá và thanh khoản hàng đầu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đáp ứng tư cách tham gia vào chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Trong đó tư cách tham gia vào chỉ số bao gồm những tiêu chí như sau:

Tiêu chí về niêm yết:

Cổ phiếu không thuộc một trong các diện sau đây:

- Cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, diện bị kiểm soát, diện tạm ngưng giao dịch trong vòng 03 tháng tính đến thời điểm xem xét.
- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE dưới 06 tháng tính đến thời điểm xem xét. Đối với cổ phiếu có giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân thuộc nhóm 05 công ty lớn nhất (top-5) thì thời gian niêm yết dưới 03 tháng.

Tiêu chí về tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float):

Cổ phiếu được tham gia vào chỉ số khi tỷ lệ tự do chuyển nhượng của cổ phiếu lớn hơn 10%. Cụ thể :

- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng nhỏ hơn 5% thì cổ phiếu đó sẽ bị loại ra khỏi chỉ số VN30.
- Nếu tỷ lệ tự do chuyển nhượng từ 5% đến 10% và không thuộc nhóm 10 cổ phiếu lớn nhất (top 10) về giá trị vốn hoá thì cổ phiếu đó sẽ bị loại khỏi chỉ số VN30.

Tiêu chí về thanh khoản:

Cổ phiếu tham gia vào chỉ số VN30 đảm bảo thanh khoản bằng cách tính toán tỷ suất quay vòng chứng khoán (turnover ratio) như sau :

$$\text{Tỷ suất quay vòng chứng khoán} = \frac{\text{Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân trong kỳ xem xét (*)}}{\text{Giá trị vốn hóa hàng ngày bình quân sau điều chỉnh free float trong kỳ xem xét}}$$

(*) *Giá trị giao dịch hàng ngày bình quân bao gồm cả giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận*

- Cổ phiếu không thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,05% sẽ bị loại.
- Cổ phiếu thuộc thành phần của chỉ số kỳ trước có tỷ suất quay vòng nhỏ hơn 0,04% sẽ bị loại khỏi.

Tập hợp các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí về niêm yết, về tỷ lệ tự do chuyển nhượng và về thanh khoản gọi là danh sách sẽ được sắp xếp theo thứ tự giảm dần về giá trị vốn hoá hàng ngày bình quân trong 6 tháng chưa điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng.

Bước 1: Chọn 50 cổ phiếu đầu tiên trong danh sách và loại những cổ phiếu thuộc diện bị cảnh báo khác (nếu có). Cổ phiếu bị loại bỏ sẽ được thay thế bằng cổ phiếu kế tiếp trong danh sách sao cho đủ 50 cổ phiếu.

Bước 2: Sắp xếp 50 cổ phiếu được chọn theo thứ tự giảm dần về giá trị giao dịch hàng ngày bình quân (*bao gồm giá trị giao dịch khớp lệnh và thỏa thuận*) trong 6 tháng tính đến thời điểm xem xét:

- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 20 trở lên đương nhiên có mặt trong chỉ số;
- Cổ phiếu đứng ở vị trí thứ 41 trở xuống đương nhiên bị loại khỏi chỉ số;
- Cổ phiếu đứng ở vị trí 21 đến 40: ưu tiên cổ phiếu đã có trong danh mục cổ phiếu thành phần của rổ VN30 kỳ trước sau đó mới xét đến cổ phiếu mới sao cho số lượng cổ phiếu trong rổ bằng 30 cổ phiếu. Trong trường hợp có nhiều hơn 1 cổ phiếu thuộc rổ kỳ trước có cùng vị trí, ưu tiên chọn cổ phiếu có giá trị vốn hóa bình quân cao hơn của kỳ xem xét.
- Chọn 05 cổ phiếu tiếp theo sau 30 cổ phiếu đã chọn nằm trong danh mục chỉ số VN30 được đưa vào danh mục cổ phiếu dự phòng, sử dụng để thay thế trong trường hợp một hay nhiều cổ phiếu thành phần của VN30 bị loại bỏ khỏi rổ chỉ số vào giữa kỳ xem xét.

Chỉ số VN30 được tính toán dựa trên phương pháp giá trị vốn hóa thị trường có điều chỉnh tỷ lệ tự do chuyển nhượng. Cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 sẽ được xem xét lại 6 tháng/lần vào thứ 2 tuần thứ tư của tháng Bảy và tháng Giêng hàng năm. Dữ liệu dùng trong kỳ xem xét được lấy sau khi đóng cửa phiên giao dịch cuối cùng của tháng Sáu và tháng Mười Hai.

Để tránh tình trạng một hay một vài cổ phiếu trong chỉ số chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn, tỷ trọng vốn hóa của các cổ phiếu thành phần trong rổ chỉ số sẽ được giới hạn ở một ngưỡng xác định. Ngưỡng giới hạn tỷ trọng vốn hóa áp dụng cho các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 là 10%. Việc xem xét và điều chỉnh giới hạn tỷ trọng vốn hoá sẽ được thực hiện định kì 06 tháng/lần vào cùng thời điểm xem xét định kỳ chỉ số hoặc được tính lại khi có thay đổi về cổ phiếu thành phần của rổ chỉ số trong kỳ.

Tại kỳ 1 năm 2014, danh mục 30 cổ phiếu thành phần trong chỉ số VN30 có tổng giá trị vốn hóa trung bình chiếm khoảng 69,5% giá trị vốn hóa bình quân toàn thị trường và có tổng giá trị giao dịch trung bình chiếm khoảng 61,1% tổng giá trị giao dịch bình quân của thị trường.

Thông tin chi tiết về Chỉ số VN30, vui lòng tham khảo tại trang web www.hsx.vn.

3. CƠ HỘI ĐẦU TƯ VÀO QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC (ETFs)

3.1 Quá trình phát triển của Quỹ ETFs

Trên thị trường tài chính thế giới sau khi hình thành các quỹ đóng và quỹ mở đáp ứng mục tiêu đầu tư của các cá nhân và tổ chức thì ý tưởng của ra đời về một quỹ đầu tư chỉ số đã xuất hiện từ năm 1973 bởi ngân hàng Well Fargo và ngân hàng Quốc gia Mỹ cho các khách hàng tổ chức. Hai năm sau đó, quỹ đầu tư chỉ số đại chúng chính thức ra mắt vào ngày 31 tháng 12 năm 1975 tại thị trường Mỹ với tổng tài sản là 11 triệu đô la Mỹ, quỹ mô phỏng chỉ số S&P 500. Đến năm 1999, tổng tài sản quản lý của quỹ này đã lên đến 100 tỷ đô la Mỹ. Tuy nhiên, quỹ ETF đầu tiên hình thành và giao dịch trên thị trường tài chính Mỹ vào tháng 01 năm 1993 là S&P 500 Depository Receipt (SPDR) được quản lý bởi State Street Global Advisors. Những năm sau đó, hàng loạt các định chế tài chính lớn đã liên tục cho ra những sản phẩm quỹ ETF. Trong đó, các tên tuổi lớn phải nói đến là Barclays Global Investors bắt đầu xâm nhập vào lĩnh vực này vào năm 1996, State Street Global Advisors vào năm 1998 và Vanguard bắt đầu đưa ra các sản phẩm ETF vào năm 2001. Không lâu sau đó vào năm 1999 thị trường tài chính châu Á cho ra đời quỹ ETF đầu tiên tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồng Kông. Vào năm 2001, quỹ ETF đã xuất hiện tại thị trường tài chính châu Âu. Cho đến cuối năm 2011, đã có đến trên 15 định chế tài chính lớn trên thế giới phát hành các sản phẩm ETF.

Có thể thấy, từ chỉ một quỹ ETF vào năm 1993 thì đến 9 năm sau thị trường tài chính thế giới đã đón nhận 246 quỹ ETF, trong đó lớn nhất là thị trường châu Âu với 109 quỹ ETF, tiếp theo là thị trường Mỹ với 102 quỹ ETF, thị trường châu Á và Canada tương ứng có 24 và 14 quỹ ETF. Loại hình đầu tư này ngày càng phổ biến nhanh chóng ở các thị trường. Theo thống kê từ BlackRock, năm 2007 có đến 1.541 các sản phẩm liên quan đến ETF tăng gần gấp đôi so với năm trước đó với tổng giá trị tài sản quản lý 851 tỷ đô la Mỹ. Ba năm sau đó vào năm 2010 số lượng này đã lên đến 3.543 sản phẩm với giá trị tài sản 1.483 tỷ đô la Mỹ, tăng hơn hai lần so với năm 2007. Và tính đến tháng 02 năm 2014 thì số lượng này đã tăng lên 5.098 sản phẩm với giá trị tài sản 2.434 tỷ đô la Mỹ, một sự tăng trưởng bùng nổ về quy mô sản phẩm ETF. Không những về quy mô, sản phẩm về quỹ ETF còn mở rộng và phát triển trên nhiều lĩnh vực khác như quỹ ETF tập trung cho ngành, quỹ ETF về hàng hóa, về trái phiếu, về hợp đồng tương lai và nhiều lớp tài sản khác. Mặc dù có nhiều diễn biến bất lợi tại thị trường tài chính thế giới trong những năm gần đây nhưng thị trường quỹ ETF vẫn ngày một phát triển và phổ biến.

3.2 Lợi ích của việc đầu tư vào quỹ ETFs

Sau đây là một số điểm khác biệt chính thu hút được nhiều nhà đầu tư cá nhân và tổ chức quan tâm và tham gia đầu tư vào quỹ ETF:

- Quỹ ETF là quỹ đầu tư thụ động theo chỉ số với phần lớn thời gian quỹ nắm giữ tài sản tương ứng với danh mục chứng khoán cấu thành chỉ số tham chiếu. Chi phí mà quỹ phải trả thấp hơn nhiều so với các quỹ đầu tư chủ động khác. Thông thường chi phí hoạt động của quỹ từ 0,75% đến 1,5% một năm so với 2% đến 3% một năm đối với các quỹ đầu tư chủ động. Vì thế, đầu tư vào quỹ ETF là một phương thức đầu tư giá thấp và tiết kiệm chi phí cho nhà đầu tư.
- Do quỹ ETF được giao dịch như cổ phiếu thông thường và kết quả hoạt động của quỹ gần giống như chỉ số tham chiếu nên quỹ ETF là một công cụ giúp nhà đầu tư trong và ngoài nước có thể đầu tư nhanh chóng vào thị trường chứng khoán hoặc vào nhóm ngành nghề nhất định trong thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư thay vì phải mất thời gian lựa chọn và mua bán nhóm cổ phiếu theo tiêu chí ưa thích thì nhà đầu tư đó có thể chọn đầu tư vào một quỹ ETF mô phỏng chỉ số tương đồng với nhóm cổ phiếu đó.
- Đầu tư vào quỹ ETF mang lại sự linh động cho các nhà đầu tư. Chứng chỉ quỹ ETF vừa giao dịch trên thị trường như một chứng chỉ quỹ đóng thông thường vừa giao dịch trực tiếp với công ty quản lý quỹ thông qua phương thức giao dịch hoán đổi từ thành viên lập quỹ. Vì thế đầu tư vào quỹ ETF thừa hưởng những ưu điểm của dạng hình quỹ đóng và quỹ mở. Nhà đầu tư dễ dàng mua bán trên thị trường với số lượng nhỏ như một cổ phiếu thông thường với giá tiệm cận với giá trị tài sản ròng của quỹ mà vừa có thể giao dịch lô lớn với công ty quản lý quỹ nếu xét thấy thị trường giao dịch không đảm bảo thanh khoản.

- Quỹ ETF là một dạng hình quỹ chỉ số đại diện thị trường, tức là mục tiêu mô phỏng theo một chỉ số nhất định chứ không phải mục tiêu đạt lợi nhuận cao hơn chỉ số đó. Tức là, kết quả hoạt động của quỹ ETF bám sát kết quả của chỉ số tham chiếu. Và đa số các chỉ số mà quỹ ETF mô phỏng đều được thiết kế mang tính đại diện cao cho một thị trường hoặc một nhóm ngành nhất định. Do đó, đầu tư vào quỹ ETF giúp giảm thiểu rủi ro phi hệ thống và chi phí mà quỹ ETF phải bỏ ra là thấp hơn so với các quỹ chủ động khác.
- Quỹ ETF là một trong những loại hình đầu tư có tính minh bạch cao. Nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ đóng hoặc quỹ mở không thể biết được hết danh mục đầu tư của quỹ. Nhưng với quỹ ETF nhà đầu tư được biết rõ danh mục đầu tư của quỹ trước khi nhà đầu tư quyết định đầu tư vào quỹ và hàng ngày nhà đầu tư có thể theo dõi danh mục của quỹ để chủ động đưa ra những quyết định mua bán của mình khi xét thấy thị trường thay đổi. Đầu tư vào quỹ đóng hay quỹ mở thông thường thì nhà đầu tư chỉ có thể biết được giá trị của khoản đầu tư của mình theo định kỳ công bố giá trị tài sản ròng từ phía công ty quản lý quỹ, có thể là hàng tuần hoặc hàng ngày sau khi kết thúc giao dịch của thị trường. Tuy nhiên, đầu tư vào quỹ ETF nhà đầu tư biết được kết quả khoản đầu tư của mình từng phút từng giờ nhờ cơ chế định giá tài sản ròng tham chiếu.

Tóm lại, quỹ ETF là một dạng sản phẩm đơn giản, dễ hiểu, mang tính đại diện thị trường, hạn chế rủi ro lựa chọn cổ phiếu, tính minh bạch cao, dễ dàng giao dịch, chi phí thấp và mang đến nhiều cơ hội đối với nhà đầu tư. Đầu tư vào quỹ ETF là dạng quỹ thụ động nhưng lại đáp ứng nhu cầu đầu tư chủ động của nhà đầu tư, tức là nhà đầu tư có thể chủ động mua vào hoặc bán ra chứng chỉ quỹ ETF mà không gặp bất cứ trở ngại nào trong quá trình phân tích thông tin thị trường.

CHƯƠNG IV: THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM

Công ty quản lý quỹ VFM thành lập vào tháng 7 năm 2003, khởi đầu là công ty liên doanh của hai định chế tài chính lớn tại Việt Nam là Dragon Capital – công ty quản lý quỹ nước ngoài hàng đầu và lâu đời tại Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) – một trong những ngân hàng cổ phần có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam. Sau thời gian hoạt động và phát triển, để khẳng định thế mạnh của công ty quản lý quỹ cũng như cam kết chất lượng dịch vụ, kể từ tháng 1 năm 2009, công ty chuyển đổi từ liên doanh sang cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM). Trong năm 2010, Công ty quản lý quỹ VFM đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về việc tăng vốn điều lệ lên 229,5 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 79/UBCK-GP ngày 04/11/2010.

Với mô hình hoạt động mới, công ty quản lý quỹ VFM đã tận dụng nguồn lực tập trung, kinh nghiệm lâu năm, uy tín, tiềm lực vững mạnh của Dragon Capital và các đối tác chiến lược khác từ các tổ chức tài chính lớn có uy tín trên TTCK. Tất cả hội tụ thành sức mạnh tổng lực tạo nhiều lợi thế cạnh tranh hơn cho công ty quản lý quỹ VFM trên thị trường tài chính Việt Nam. Hiện nay, tổng tài sản Công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý khoảng 2.000 tỷ đồng (tính đến 30/04/2014) với gần 6.000 nhà đầu tư là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các sản phẩm quỹ: Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1), Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4), Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA), Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB) và một số nguồn vốn ủy thác khác.

Các quỹ do công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1):

Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ công chúng đầu tiên do công ty quản lý quỹ VFM quản lý với tổng vốn huy động ban đầu là 300 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF1 là quỹ đầu tư cân bằng với chiến lược đầu tư là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Quỹ đầu tư VFMVF1 đã tăng vốn điều lệ lần 1 từ 300 tỷ lên 500 tỷ đồng vào năm 2006 và tiếp tục tăng vốn điều lệ lần 2 thành công từ 500 tỷ lên 1.000 tỷ đồng vào năm 2007. Quỹ đầu tư VF1 được xem là một trong những chứng chỉ quỹ đóng có tính thanh khoản cao trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Vào ngày 08/10/2013, Quỹ đầu tư VFMVF1 đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở công chúng có giá trị chuyển đổi lớn nhất tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

- **Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2):**

Quỹ đầu tư VF2 là quỹ thành viên đầu tiên được thành lập vào tháng 12/2006 với sự tham gia góp vốn của 15 đối tác lớn trong ngành tài chính, ngân hàng và công ty niêm yết lớn, đặc biệt là tổ chức tài chính của chính phủ Hà Lan – FMO. Quỹ đầu tư VF2 có số vốn huy động ban đầu là 400 tỷ đồng và đã tăng vốn điều lệ lên thành 963,9 tỷ đồng vào tháng 12 năm 2006. Quỹ đầu tư VF2 được gia hạn thời gian hoạt động đến hết năm 2014.

- **Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VFMVF4):**

Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ công chúng thứ hai do công ty VFM quản lý và được niêm yết tại SGD Tp HCM vào năm 2008 với tổng vốn huy động ban đầu là 806,46 tỷ đồng. Quỹ đầu tư VFMVF4 là quỹ đầu tư cổ phiếu với chiến lược đầu tư vào các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên TTCK Việt Nam.

Quỹ đầu tư VFMVF4 cũng đã chính thức chuyển đổi thành quỹ mở vào ngày 16/12/2013.

- **Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFMVFA):**

Đây là quỹ công chúng thứ ba do công ty quản lý quỹ VFM huy động, quản lý với số vốn ban đầu là khoảng 240,4 tỷ đồng, hoạt động trong vòng 05 năm. Đây là quỹ đầu tiên áp dụng mô hình định lượng (Quant model), với chiến lược đầu tư là ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên thị trường. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khi thị trường có xu hướng giảm (trend following).

Quỹ đầu tư VFMVFA là quỹ đóng đầu tiên được chuyển đổi sang quỹ mở vào ngày 18/4/2013.

- **Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam (VFMVFB):**

Quỹ đầu tư VFMVFB là quỹ hoạt động theo mô hình quỹ mở chuyên đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá với tỷ trọng đầu tư lên tới 80% giá trị tài sản của quỹ. Quỹ được huy động với số vốn ban đầu khoảng 100 tỷ đồng vào tháng 6/2013. Quỹ đầu tư VFMVFB được tư vấn từ các chuyên gia hàng đầu về chứng khoán nợ từ Công ty quản lý quỹ Dragon Capital.

- **Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:**

Đây là dịch vụ tài chính đặc thù được triển khai từ năm 2008 nhằm phục vụ cho nhu cầu đầu tư riêng biệt của từng khách hàng khác nhau. Với kinh nghiệm quản lý quỹ lâu năm tại thị trường Việt Nam, dịch vụ quản lý danh mục đầu tư của công ty quản lý quỹ VFM sẽ thay mặt khách hàng thực hiện các mục tiêu đầu tư theo từng nhu cầu riêng biệt. Trong đó, công ty quản lý quỹ VFM được ủy thác đầu tư và quản lý tài sản của khách hàng, như thế sẽ giúp cho khách hàng có nhiều thời gian tập trung vào hoạt động kinh doanh chính của mình hơn. Khi tham gia dịch vụ này, tùy vào mức độ chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư, đội ngũ quản lý năng động của chúng tôi sẽ tư vấn và đề ra kế hoạch triển khai cụ thể dựa trên mục tiêu đầu tư là tối đa hóa lợi nhuận hay tìm kiếm thu nhập ổn định, lâu dài. Đối tượng khách hàng được tập trung bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân có số vốn lớn và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

1.1 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Dominic Scriven

Chủ tịch

- Cử nhân danh dự ngành Luật & Xã hội học Trường Đại học Exeter (Anh Quốc);
- Hơn 20 năm kinh nghiệm trong đầu tư & phát triển thị trường vốn, trong đó có hơn 18 năm ở châu Á, chủ yếu ở Hồng Kông và Việt Nam;
- Đồng sáng lập viên Công ty Dragon Capital năm 1994;
- Cổ đông chiến lược của một số công ty chứng khoán và thành viên HĐQT của một số ngân hàng & công ty niêm yết tại sàn giao dịch;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty VFM từ năm 2003;
- Chủ tịch HĐQT Công ty VFM từ tháng 02/2010.

Ông Trần Thanh Tân

Phó Chủ tịch kiêm

Tổng Giám Đốc

- Thạc sĩ Quản trị Trường Université Libre de Bruxelles (ULB, Bỉ);
- 20 năm kinh nghiệm phân tích đầu tư, tư vấn cổ phần hóa, phát triển thị trường vốn, và đóng góp xây dựng & phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Đồng sáng lập viên Công ty Dragon Capital năm 1994;
- Tổng Giám Đốc Công ty VFM từ năm 2003;
- Thành viên thường trực CLB các công ty niêm yết;
- Chủ tịch CLB công ty quản lý quỹ Việt Nam;
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty VFM từ tháng 02/2010.

Ông Lê Hoàng Anh

Thành viên HĐQT

- Tiến sĩ kinh tế Trường Budapest Universities of Economic Sciences, Hungary;
- Nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực phân tích tài chính cấp cao tại các tổ chức nước ngoài;
- Giám đốc điều hành, Dragon Capital Private Equity Management Ltd;
- Thành viên Hội đồng đầu tư VFM;
- Thành viên HĐQT công ty VFM từ tháng 03/2010.

Ông Nguyễn Văn Cựu

Thành viên HĐQT

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học IMPAC, Hoa Kỳ
- Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, đầu tư chứng khoán
- Nguyên Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA từ năm 2007.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Dịch vụ ô tô Nam Việt từ năm 2012.
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Ý Mỹ
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế CSQ
- Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín từ tháng 4 năm 2013

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh*Thành viên HĐQT kiêm**Phó Tổng giám đốc phụ trách**Khối Đầu tư và Nghiên cứu*

- Thành viên chính thức của Hiệp hội CFA;
 - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học Gloucestershire (Anh Quốc)
 - 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, quản lý quỹ, đầu tư chứng khoán;
 - Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư tại Công ty VFM từ năm 2005;
 - Giám Đốc Đầu tư Công ty VFM từ năm 2008;
 - Phó Tổng Giám Đốc phụ trách Khối Đầu tư & Nghiên cứu từ năm 2010.
-

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Ban Điều hành của Công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Trần Thanh Tân

Tổng Giám đốc

(xem phần giới thiệu ở mục 1.1, Phần IV của Bản cáo bạch)

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Phó Tổng Giám đốc

(xem phần giới thiệu ở mục 1.1, Phần IV của Bản cáo bạch)

Ông Phạm Khánh Linh

- Phó Tổng Giám đốc
- Thạc sĩ Tài chính – Kế toán Trường Đại học Swinburne (Úc);
- Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển kinh doanh, đầu tư chứng khoán;
- Nguyên Giám Đốc Giao dịch & phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS);
- Giám Đốc Phát triển Kinh doanh Công ty VFM từ năm 2003;

Ông Trần Lê Minh

- Phó Tổng Giám đốc
- Thạc sĩ Quản trị Tài chính – Đại học Melbourne (Úc);
- 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính và kế toán qua các công ty kiểm toán E&Y, PWC;
- Trên 10 năm kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản.
- Thành công trong việc quản lý và phát triển chi nhánh Hà Nội từ năm 2004;
- Phó Tổng Giám Đốc, phụ trách chi nhánh Hà Nội của Công ty VFM từ tháng 2 năm 2011.

Ông Nguyễn Minh Đăng Khánh

- Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
 - Thạc sĩ khoa học về Tài chính và Kinh tế Trường Đại học West Texas A&M, USA;
 - Cử nhân chuyên ngành Luật tại trường Đại học Luật Tp. HCM;
 - Kiểm toán viên độc lập (CPA);
 - Giám đốc Tài chính tại VFM từ năm 2006;
 - Phó Tổng Giám Đốc kiêm Giám đốc Tài chính từ T3 năm 2011
-

1.3 Giới thiệu về đối tác sáng lập Công ty VFM

Dragon Capital Management Group



Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital (Dragon Capital Group – DCG) là công ty cung cấp các dịch vụ tài chính, chủ yếu tập trung vào thị trường vốn và là nhà đầu tư gián tiếp tiên phong tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ khi thành lập vào năm 1994 đến nay, với vốn đầu tư ban đầu là 16 triệu USD, Dragon Capital hiện là công ty quản lý quỹ lớn và giàu kinh nghiệm tại Việt Nam với tổng số tài sản đang quản lý khoảng hơn 1 tỷ USD (tính đến cuối năm 2013).

Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL) hiện là một trong những quỹ đầu tư Việt Nam lớn nhất được niêm yết ở nước ngoài từ khi được thành lập năm 1995. VEIL là quỹ đầu tư đầu tiên và quan trọng nhất do DCG quản lý với tổng tài sản trên 500 triệu USD. Mục tiêu chủ yếu của quỹ là đầu tư vào các công ty đại chúng, các công ty tư nhân Việt Nam hoặc những công ty liên quan đến Việt Nam.

Các quỹ tiếp theo được thành lập bao gồm:

- Vietnam Growth Fund (VGF) với mục đích mang đến các cơ hội đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc các công ty chuẩn bị niêm yết;
- Vietnam Resource Investment (VRI): Quỹ tài sản chuyên biệt đầu tiên hướng tới các cơ hội đầu tư vào khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam;
- Vietnam Debt Fund (VDeF): Quỹ đầu tiên chuyên biệt về thị trường nợ Việt Nam, với mục tiêu chính tập trung vào trái phiếu Chính phủ và nợ doanh nghiệp (như trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi);
- Vietnam Property Fund (VPF): tập trung vào thị trường bất động sản Việt Nam với mục tiêu đầu tư trải rộng trên tất cả các lĩnh vực bất động sản và các đô thị hiện hữu.
- Vietnam Equity (UCITS) Fund: là quỹ mở với mục đích mang đến các cơ hội đầu tư vào các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Mekong Brahmaputra Clean Development Fund (MBCDF): Quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên đầu tư vào các dự năng lượng tái tạo và xử lý rác thải, nước thải

Để biết thêm thông tin chi tiết về Dragon Capital, vui lòng truy cập tại www.dragoncapital.com.

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)



Chính thức được thành lập vào ngày 21/12/1991, sau 20 năm hoạt động, đến nay ngân hàng Sacombank đã trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với:

- Hơn 10.000 tỷ đồng vốn điều lệ;
- Gần 330 điểm giao dịch tại 45/63 tỉnh thành trong cả nước, 01 Chi nhánh tại Lào và 01 Chi nhánh tại Campuchia;
- 6.180 đại lý thuộc 289 ngân hàng tại 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới;
- Hơn 81.000 cổ đông đại chúng;
- Hơn 7.400 cán bộ nhân viên trẻ, năng động và sáng tạo.

Vào ngày 16/5/2008, Sacombank tạo nên một bước ngoặt mới trong lịch sử hình thành và phát triển Ngân hàng với việc công bố hình thành Tập đoàn Sacombank. Việc hình thành mô hình Tập đoàn là điều kiện để phát triển các giải pháp tài chính trọn gói với chi phí hợp lý, nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng đồng thời nâng cao sức mạnh trong quá trình hội nhập của Sacombank và nhóm các Công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực tài chính và phi tài chính.

Để biết thêm thông tin chi tiết về Sacombank, vui lòng truy cập tại www.sacombank.com.vn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh (HSC) là công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư hàng đầu tại thị trường Việt Nam, bao gồm các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, các quỹ đầu tư, các công ty nhà nước và các cá nhân khác đang hoạt động trong rất nhiều lĩnh vực, thị trường và vùng địa lý khác nhau.

Từ khi thành lập năm 2003, công ty HSC củng cố vị trí là một trong những công ty chứng khoán có tình hình tài chính tốt nhất tại Việt Nam với vốn điều lệ xấp xỉ 1.008 tỷ đồng và tổng vốn chủ sở hữu xấp xỉ 2.142 tỷ đồng tính đến tháng 30/4/2012. HSC liên tiếp đón nhận các giải thưởng bình chọn của các tổ chức lớn có uy tín trong nước và quốc tế về năng lực chuyên môn và tính minh bạch trong hoạt động như:

Đội ngũ Nghiên cứu Phân tích hàng đầu Việt Nam - Được bầu chọn qua The 2011 All-Asia Research Team Survey, do Institutional Investor thực hiện;

Công ty Chứng khoán số 1 & Đội ngũ Nghiên cứu Phân tích hàng đầu Việt Nam - Được bầu chọn qua The 2010 Extel Survey, do Thomson Reuters thực hiện.

Hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm: môi giới chứng khoán, nghiên cứu, ngân hàng đầu tư và đầu tư tài chính, có hệ thống mạng lưới bao gồm 7 phòng giao dịch và chi nhánh trên cả nước với Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Để biết thêm thông tin chi tiết về HSC, vui lòng truy cập tại www.hsc.com.vn.

2. GIỚI THIỆU NHÂN VIÊN QUẢN TRỊ QUỸ

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Ban Điều hành của Công ty quản lý quỹ VFM.

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh	Người điều hành Quỹ ETF VFMVN30 (xem phần giới thiệu ở mục 1.1, Phần IV của Bản cáo bạch)
Ông Trần Lê Minh	Người điều hành Quỹ ETF VFMVN30 (xem phần giới thiệu ở mục 1.2, Phần IV của Bản cáo bạch)

3. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Các thành viên lập quỹ của Quỹ ETF VFMVN30 là những công ty chứng khoán hàng đầu, uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm các công ty chứng khoán sau:

a. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính tại: Lầu 5 & 6 Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3299 Fax: (84-8) 3823 3301

Công ty CP Chứng khoán HSC được thành lập ngày 23/04/2003 theo Giấy phép hoạt động số 4103001573/GPHĐKD của Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29/04/2003. Công ty HSC cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán, Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Lưu ký chứng khoán.

b. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở tại: Số 8 đường Lê Thái Tổ Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh tại: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-4) 3928 8080

Fax: (84-4) 3928 9888

Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt (BVSC) chính thức được thành lập với cổ đông sáng lập là Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam, nay là Tập đoàn Tài Chính Bảo hiểm Bảo Việt, trực thuộc Bộ Tài Chính, theo giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 26/11/1999. Các sản phẩm dịch vụ hiện có tại BVSC: Dịch vụ chứng khoán; Dịch vụ phân tích nghiên cứu; Dịch vụ ngân hàng đầu tư; và Dịch vụ nguồn vốn và đầu tư tài chính.

Danh sách các thành viên lập quỹ sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

4. DANH SÁCH ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách các Đại lý phân phối chỉ định (nếu có) được nêu và sẽ được cập nhật định kỳ tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

CHƯƠNG V: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P.1810 - P.1815, Tầng 18, Tòa tháp Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Xã Mễ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000

Fax: (84-4) 3936 8300

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF VFMVN30, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ ETF VFMVN30 sẽ là Công ty PriceWaterhouseCooper (PWC), hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty Kiểm toán Ernst & Young.

Công ty kiểm toán PriceWaterhouseCoppers (PwC):

PwC Việt Nam là thành viên của mạng lưới các công ty PwC tại 157 quốc gia với hơn 184.000 nhân viên luôn tận tâm cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn thuế, tư vấn pháp lý và tư vấn quản lý và tài chính chất lượng cao.

Tại Việt Nam, PwC thành lập văn phòng tại Hà Nội và Tp.HCM năm 1994. Đội ngũ chuyên gia của PwC Việt Nam với gần 650 người Việt Nam và nước ngoài am hiểu sâu sắc nền kinh tế đổi mới của Việt Nam và hiểu biết sâu rộng các chính sách và thủ tục đầu tư, thuế, pháp luật, kế toán và tư vấn trên khắp Việt Nam.

PwC Việt Nam có mối quan hệ tốt với các bộ ngành then chốt, các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp nhà nước, công ty tư nhân, các tổ chức thương mại và các nhà tài trợ vốn ODA. PwC Việt Nam còn có một công ty luật 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam do Bộ Tư Pháp cấp giấy phép có trụ sở chính tại Tp.Hồ Chí Minh và một chi nhánh tại Hà Nội

Công ty TNHH KPMG:

KPMG là một mạng lưới toàn cầu bao gồm các công ty thành viên chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ Kiểm toán, Thuế và Tư vấn. Với hơn 155.000 nhân viên chuyên nghiệp phối hợp làm việc trên toàn thế giới, mang lại giá trị trên 155 quốc gia.

KPMG tại Việt Nam được thành lập năm 1994. Đến nay, với hơn 800 chuyên viên chuyên nghiệp làm việc tại các văn phòng Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Thanh Hóa, KPMG là một trong những công ty cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp lớn nhất tại Việt Nam với số lượng lớn các khách hàng trong nước cũng như quốc tế.

Công ty Ernst & Young Việt Nam:

Ernst & Young là công ty kiểm toán và kế toán quốc tế đầu tiên được cấp phép thành lập doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Văn phòng đầu tiên được khai trương vào năm 1991, Ernst & Young được cấp phép kiểm toán các tổ chức phát hành, niêm yết và kinh doanh chứng khoán theo Quyết định số 62/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 1 năm 2008.

CHƯƠNG VII: TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN DỊCH VỤ QUẢN TRỊ QUỸ

Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)

Văn phòng chính: P.1810 - P.1815, Tầng 18, Tòa tháp Keangnam Hanoi Landmark, Lô E6, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3936 8000

Fax: (84-4) 3936 8300

Là một ngân hàng thương mại được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, theo Giấy phép thành lập Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 236/GP-NHNN do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp ngày 8 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi vào từng thời điểm) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 37/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/12/2008, cung cấp những dịch vụ như sau cho những quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

CHƯƠNG VIII: TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN THỰC HIỆN DỊCH VỤ ĐẠI LÝ CHUYÊN NHƯỢNG

TRUNG TÂM LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (VSD)

Địa chỉ: 15 Đoàn Trần Nghiệp, Quận Hai Bà Trưng, Hà nội

Điện thoại: (84-4) 3974 7113

Fax: (84-4) 3974 7120

Được thành lập theo Quyết định số 171/2008/ QĐ- TTg Ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở chuyển đổi, tổ chức lại Trung tâm lưu ký chứng khoán sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của Nhà nước theo quy định của Luật chứng khoán.

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ETF VFMVN30

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ : **Quỹ ETF VFMVN30**

Tên tiếng Anh : VFMVN30 ETF

Địa chỉ : Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84-8) 3825 1488 Fax: (84-8) 3825 1489

Website : www.vinafund.com

1.2 Giấy phép phát hành và quy mô Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo giấy phép số 52/GCN-UBCK vào ngày 04/07/2014

Trong giai đoạn phát hành chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng, vốn điều lệ tối thiểu dự kiến huy động là 50 (năm mươi) tỷ đồng Việt Nam và tương ứng với 50 (năm mươi) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 (mười ngàn) Đồng.

1.3 Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 là quỹ đại chúng dạng mở, được hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ và được niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM.

Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ ETF VFMVN30 có nghĩa vụ thực hiện việc đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại. Giao dịch này được thực hiện giữa Quỹ ETF VFMVN30 và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đáp ứng các yêu cầu tại điểm a, mục 3.1, Phần X của Bản cáo bạch này.

Thời gian hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

2. MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

2.1 Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.

2.2 Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF VFMVN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm hay hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30. Danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 bao gồm 30 cổ phiếu đang được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh. Danh sách 30 cổ phiếu đã được sàng lọc qua các

điều kiện tham gia vào chỉ số, đáp ứng các tiêu chí tỷ lệ tự do chuyển nhượng (free-float), vốn hoá thị trường và giá trị giao dịch được nêu tại mục 2, Phần III của Bản cáo bạch này. Khi Sở Giao dịch Tp. Hồ Chí Minh thay đổi định kỳ (rebalancing) hoặc thay đổi bất thường danh mục chỉ số VN30, tỷ lệ tài sản đầu tư của Quỹ vào danh mục chứng khoán có thể biến động dưới 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

2.3 Tài sản đầu tư của Quỹ

Tài sản đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 bao gồm:

- a. Cổ phiếu niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam;
- b. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng. Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ tại các ngân hàng thương mại đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt;
- c. Chứng khoán phái sinh niêm yết và giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
- d. Các tài sản khác phát sinh từ việc sở hữu các chứng khoán trong danh mục của Quỹ ETF VFMVN30.

2.4 Lĩnh vực đầu tư

Căn cứ vào chiến lược đầu tư, Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện đầu tư vào tất cả các ngành nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam. Cơ cấu đầu tư theo ngành nghề của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thay đổi tùy vào sự thay đổi của danh mục của chỉ số tham chiếu VN30 và chiến lược đầu tư của Quỹ.

2.5 Các hạn chế đầu tư của Quỹ

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 phải phù hợp với các quy định tại điều lệ Quỹ và phải bảo đảm:

- a. Không đầu tư vào quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- b. Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- c. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu VN30;
- d. Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, hoặc của các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
- e. Không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ; trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;
- f. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên lập quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu VN30;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ các khoản phải trả của Quỹ, không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 quy định tại điểm a, b, c mục 2.5, Phần IX của Bản cáo bạch này về hạn chế đầu tư của Quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản, thanh toán, chào mua công khai của các tổ chức phát hành;
- c. Cơ cấu danh mục chứng khoán của chỉ số tham chiếu VN30 thay đổi;
- d. Quỹ thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp; thực hiện các hoạt động hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu theo quy định tại Điều 12 Thông tư 229/2012/TT-BTC về Hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- e. Quỹ đang trong thời gian thanh lý, giải thể hoặc thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực chưa quá chín mươi (90) ngày.

2.6 Hạn chế vay

Quỹ ETF VFMVN30 không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.

2.7 Phương pháp lựa chọn đầu tư

Để mô phỏng chỉ số tham chiếu VN30, về nguyên tắc Quỹ phải nắm giữ tất cả các cổ phiếu có trong danh mục chỉ số tham chiếu VN30 theo tỷ lệ tương ứng. Tuy nhiên, trong một số trường hợp Quỹ không thể mua đủ tất cả những cổ phiếu tương ứng với tỷ trọng trong chỉ số tham chiếu. Trong những trường hợp này, Quỹ có thể chọn phương pháp nâng tỷ trọng hoặc giảm tỷ trọng của một số cổ phiếu trong chỉ số hoặc mua những cổ phiếu không thuộc chỉ số mà có độ tương quan cao với chỉ số tham chiếu VN30 để thay thế cho những cổ phiếu trong chỉ số nhằm mô phỏng gần nhất chỉ số tham chiếu VN30, sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Quỹ ETF VFMVN30 có thể thực hiện bán trước những cổ phiếu trong danh mục khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ ra khỏi danh mục của chỉ số tham chiếu VN30 hoặc mua trước những cổ phiếu hiện tại chưa thuộc chỉ số tham chiếu VN30 khi dự báo khả năng cổ phiếu đó sẽ được đưa vào danh mục chỉ số tham chiếu VN30 tại kỳ xem xét tiếp theo.

3. CÁC RỦI RO ĐẦU TƯ VÀO QUỸ

Kết quả đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết hoặc bảo đảm sẽ đạt được mục tiêu đề ra bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ hay bất kỳ tổ chức nào.

Đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 là đầu tư vào thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ ETF VFMVN30 và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ.

3.1 Rủi ro đầu tư tại Việt Nam

VN30 là chỉ số bao gồm các chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nên đầu tư vào quỹ ETF VFMVN30 nhà đầu tư có thể gặp những yếu tố về rủi ro liên quan đến nền kinh tế Việt Nam. Do thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển, vì thế thị trường chứng khoán ở Việt Nam ít tương quan so với các thị trường chứng khoán ở các nước phát triển cũng như thị trường chứng khoán thế giới. Khi nền kinh tế Việt Nam biến động bất lợi thì khoản đầu tư vào quỹ ETF VFMVN30 sẽ bị thiệt hại mặc dù kinh tế thế giới tiến triển tốt. Đây là loại rủi ro mà nhà đầu tư gặp phải khi đầu tư vào một đất nước nhất định.

3.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi giá trị các tài sản của Quỹ có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian do tác động bởi nền kinh tế hoặc những yếu tố không lường trước được. Điều này sẽ tác động đến hiệu quả của các khoản đầu tư, qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

3.3 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 trong tương lai.

3.4 Rủi ro đầu tư cổ phiếu

Giá trị của những cổ phiếu được nắm giữ bởi Quỹ ETF VFMVN30 có thể sụt giảm do thị trường nói chung, tình hình kinh tế, nhận thức về thị trường của các nhà đầu tư, hoặc các yếu tố liên quan đến các tổ chức phát hành cụ thể mà Quỹ thực hiện đầu tư. Các cổ phiếu giao dịch trên thị trường có thể đạt mức lợi nhuận lớn hơn so với các chứng khoán nợ với thu nhập nhận cố định như trái phiếu, do đó đầu tư vào cổ phiếu cũng sẽ phải chịu rủi ro lớn hơn so với đầu tư vào các chứng khoán nợ.

3.5 Rủi ro mô phỏng chỉ số (Index Tracking Risk)

Lợi nhuận của Quỹ ETF VFMVN30 có thể sẽ sai lệch so với chỉ số VN30 với nhiều nguyên nhân khác nhau. Trong đó, do chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) còn Quỹ ETF VFMVN30 ngoài biến động theo giá của các cổ phiếu thành phần thì Quỹ sẽ được nhận những khoản thu nhập từ cổ tức bằng tiền của cổ phiếu trong danh mục. Hơn nữa, trong quá trình hoạt động Quỹ phải chi trả các chi phí hoạt động hoặc các chi phí liên quan đến việc mua bán chứng khoán để cân chỉnh danh mục. Ngoài ra, Quỹ có thể sẽ không thể đầu tư toàn bộ vào các cổ phiếu trong chỉ số VN30 do nguyên nhân cần tuân thủ theo pháp luật hoặc thanh khoản một số cổ phiếu trong chỉ số VN30 không đảm bảo. Đây là những nguyên nhân chính làm phát sinh mức sai lệch giữa Quỹ và chỉ số VN30.

3.6 Rủi ro quản lý danh mục mô phỏng

Không giống như các quỹ đầu tư khác, Quỹ ETF VFMVN30 không phải là quỹ đầu tư quản lý “chủ động” (actively). Có nghĩa là, trừ khi một cổ phiếu cụ thể bị đưa ra khỏi chỉ số VN30, Quỹ nói chung trong điều kiện bình thường sẽ không bán bất kỳ một chứng khoán trong danh mục của Quỹ do cổ phiếu đó gặp bất lợi về tài chính hay một sự kiện doanh nghiệp nào đó. Nhưng nếu một cổ phiếu nào đó bị đưa ra khỏi chỉ số VN30, Quỹ sẽ thực hiện bán chứng khoán đó bất kể chứng khoán đó đang có xu hướng tăng hay giảm giá trên thị trường. Vì vậy, kết quả hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 có thể thấp hơn so với các quỹ chủ động thay đổi danh mục đầu tư tài sản để tận dụng cơ hội thị trường hoặc để giảm bớt tác động của sự suy giảm của thị trường.

3.7 Rủi ro chênh lệch giá (Premium/Discount Risk)

Giao dịch mua bán chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán (giao dịch thứ cấp) có thể phát sinh chênh lệch giữa giá giao dịch trên Sở giao dịch và giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ. Nguyên nhân có thể là do sự biến động thị trường có thể dẫn đến giá trị cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Quỹ thay đổi hoặc do giá giao dịch chứng chỉ quỹ biến động từ sự biến động của giá trị tài sản ròng của quỹ hoặc từ cung cầu trên thị trường. Do đó, nếu nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường cao hơn NAV hoặc bán chứng chỉ quỹ tại một thời điểm khi giá thị trường thấp hơn NAV thì nhà đầu tư có thể bị thiệt hại.

3.8 Rủi ro đầu tư tập trung

Danh mục đầu tư của Quỹ ETF VFMVN30 có thể tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành cụ thể tương ứng với sự tập trung vào một lĩnh vực hoặc ngành hoặc nhóm ngành của chỉ số VN30. Dựa trên các thành phần của chỉ số VN30 tại thời điểm 31/01/2014, danh mục đầu tư của Quỹ có thể tập trung ở lĩnh vực tài chính - ngân hàng – bảo hiểm với tỷ trọng hơn 40%. Công ty trong lĩnh vực này có thể chịu rủi ro

về kinh tế, chính trị hay các điều kiện khác có thể ảnh hưởng tiêu cực đến giá cổ phiếu, từ đó, có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Quỹ.

3.9 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Nhà đầu tư thực hiện mua bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên sàn giao dịch phụ thuộc vào thanh khoản của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Điều này phát sinh rủi ro đối với nhà đầu tư muốn mua hoặc bán chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 ngay trên sàn giao dịch nhưng không thể thực hiện khi thanh khoản chứng chỉ quỹ thấp. Nhưng đối với nhà đầu tư đáp ứng điều kiện giao dịch hoán đổi thì có thể thực hiện giao dịch với công ty quản lý quỹ thông qua thành viên lập quỹ.

3.10 Rủi ro chờ thanh toán T+

Quỹ ETF VFMVN30 phải phù hợp về cơ cấu và tỷ trọng tài sản với chỉ số tham chiếu VN30. Mọi sự thay đổi định kỳ hay bất thường của chỉ số VN30 đều dẫn đến sự thay đổi cơ cấu và tỷ trọng của Quỹ. Chỉ số VN30 sẽ loại bỏ cổ phiếu ra và thêm cổ phiếu vào ngay tức thì tại ngày thay đổi. Tuy nhiên đối với quy định thanh toán T+ và hạn chế vay, Quỹ không thể thực hiện bán chứng khoán ra khỏi chỉ số để mua những chứng khoán thêm vào chỉ số ngay tại ngày hiệu lực của sự thay đổi đó. Trong suốt thời gian T+ đó, chứng khoán thêm vào chỉ số có thể biến động tăng hoặc giảm, gây nên sự sai lệch giữa kết quả hoạt động của Quỹ và chỉ số VN30.

3.11 Rủi ro hủy niêm yết

Trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) liên tục trong 03 tháng gần nhất vượt quá mức sai lệch tối đa quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; hoặc không thể xác định được chỉ số tham chiếu; hoặc các trường hợp khác quy định bởi Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh thì Quỹ sẽ bị hủy niêm yết và bị giải thể Quỹ. Khi đó nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 sẽ không thể thực hiện việc mua bán. Trong thời gian đó nhà đầu tư có thể bị thiệt hại khi nắm giữ chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30.

3.12 Rủi ro mất khả năng thanh toán của đối tác

Rủi ro này liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán của các loại chứng khoán nợ phát sinh từ các chứng khoán có trong danh mục của Quỹ bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho Quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro này, Quỹ ETF VFMVN30 sẽ thực hiện thanh toán sớm những loại chứng khoán nợ phát sinh từ các tài sản của Quỹ.

3.13 Rủi ro trong giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu (Redemption Risk)

Việc nhà đầu tư, thành viên lập quỹ tiến hành giao dịch hoán đổi lô ETF lấy danh mục chứng khoán cơ cấu mà dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với nhà đầu tư nước ngoài vượt quá tỷ lệ quy định hoặc dẫn tới nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính nhà đầu tư đó... Khi đó công ty quản lý quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư. Việc thanh toán tiền cho các nhà đầu tư phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán này. Như vậy, rủi ro có thể phát sinh khi thanh khoản của thị trường thấp hoặc thị giá của chứng khoán đó giảm, dẫn đến số tiền nhận được của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tài sản tại ngày giao dịch hoán đổi.



1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF VFMVN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng khoán do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2011;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2012;
- Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 217/2013/TT-BTC ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2014;
- Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục;
- Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở;
- Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;
- Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ;
- Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
- Thông tư số 213/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy chế hành nghề chứng khoán” được ban hành kèm theo quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ ETF VFMVN30 LẦN ĐẦU RA CÔNG CHÚNG (IPO)

2.1 Tóm tắt các điều khoản và điều kiện liên quan đến đợt phát hành

- Tên Quỹ: Quỹ ETF VFMVN30
- Tên tiếng Anh: VFMVN30 ETF
- Hình thức của Quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục
- Đối tượng góp vốn vào Quỹ:
 - Nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân trong và ngoài nước Việt Nam và đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của TT229/2012/TT-BTC.
 - Các thành viên lập quỹ chỉ định.
- Thời hạn hoạt động của Quỹ: Không giới hạn.
- Vốn điều lệ dự kiến huy động tối thiểu lần đầu: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) Đồng Việt Nam.
- Mệnh giá chứng chỉ quỹ ETF: 10.000 (mười ngàn) Việt Nam Đồng.
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam Đồng
- Lô chứng chỉ quỹ ETF: 1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 (một trăm ngàn) chứng chỉ quỹ ETF.
- Mục tiêu đầu tư của quỹ: Mục tiêu của Quỹ ETF VFMVN30 là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý.
- Hình thức sở hữu: Bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.
- Ngày phát hành: Sẽ được ghi rõ trong bản Thông báo phát hành sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được cấp phép phát hành ra công chúng.
- Ngày kết thúc đợt phát hành lần đầu: Trong vòng 20 ngày và tối đa 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phân phối chứng chỉ quỹ sẽ được nêu chi tiết trong Thông báo phát hành sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.
- Thời gian gia hạn phát hành: Sẽ được UBCKNN xem xét gia hạn nhưng không quá 30 ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ Quỹ.
- Địa điểm phát hành:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Phòng 5A2, Tầng 5, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

- Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:

Tổ chức phát hành	: Quỹ ETF VFMVN30
Đại diện phát hành	: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	: Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán dự kiến	: Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty PriceWaterHouse Cooper (PWC)
Thành viên lập quỹ	: Danh sách các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối được nêu chi tiết tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này.

2.2 Quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

- Chứng khoán cơ cấu thực hiện góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu là:
 - Các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ ETF ra công chúng của Công ty quản lý quỹ VFM.
 - Loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại các thành viên của VSD.
- Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch góp vốn thành lập quỹ có thể lấy từ các nguồn sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ:
 - Các chứng khoán cơ cấu đang sẵn có trên tài khoản giao dịch của thành viên lập quỹ;
 - Các chứng khoán cơ cấu đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.
 - Đối với nhà đầu tư:
 - Các chứng khoán cơ cấu đang sẵn có trên các tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.
- Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký mua tối thiểu:
 - Trong đợt chào bán lần đầu, nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
 - Trong đợt chào bán lần đầu, thành viên lập quỹ đăng ký mua lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 theo thỏa thuận giữa thành viên lập quỹ và Công ty quản lý quỹ VFM.

2.3 Đăng ký và góp vốn mua chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trong đợt chào bán lần đầu (IPO)

2.3.1 Giai đoạn thực hiện đăng ký góp vốn

- Là khoảng thời gian theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ VFM mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng của Quỹ các đề nghị đăng ký góp vốn thành lập Quỹ ETF VFMVN30, trong đó nêu rõ số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đặt mua.
- Thời điểm kết thúc đăng ký góp vốn của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư là 14 giờ 30 phút của ngày làm việc kết thúc thời gian thực hiện đăng ký góp vốn.

Trong trường hợp việc đăng ký đặt mua chứng chỉ quỹ vi phạm quy định của pháp luật hiện hành hoặc vi phạm quy định về việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ, Công ty quản lý quỹ VFM có quyền từ chối hoặc chấp thuận (một phần hoặc toàn bộ) số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký mua. Việc hoàn trả chứng khoán hoặc tiền trong trường hợp này (nếu có) sẽ được thực hiện trong vòng 5 (năm) ngày

làm việc kể từ ngày Giấy phép thành lập quỹ UBCKNN cấp có hiệu lực trong trường hợp đợt phát hành thành công, hoặc 5 (năm) ngày làm việc sau khi Công ty quản lý quỹ VFM báo cáo UBCKNN về việc phát hành không thành công. Phí ngân hàng phát sinh từ việc hoàn trả lại tiền trong trường hợp này sẽ do nhà đầu tư chịu.

2.3.2 Điều chỉnh hoặc hủy giao dịch đăng ký góp vốn

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chỉ được điều chỉnh hoặc hủy các giao dịch đăng ký góp vốn mà mình đã đặt trước thời điểm kết thúc thời hạn đăng ký góp vốn được đề cập ở mục 2.3.1, Phần X của Bản cáo bạch này.
- Việc điều chỉnh hoặc hủy các giao dịch đăng ký góp vốn của nhà đầu tư được thực hiện tại các thành viên lập quỹ nơi nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký góp vốn. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ vào Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh cho thành viên lập quỹ (*theo mẫu*).

2.3.3 Giai đoạn thực hiện góp vốn

a. Thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn:

- Tại thời điểm công bố Thông báo phát hành chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 ra công chúng, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ công bố cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ về danh mục chứng khoán cơ cấu dự kiến cho 01 (một) lô chứng chỉ quỹ cho đợt chào bán lần đầu ra công chúng. Danh mục cơ cấu dự kiến này sẽ được cập nhật vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần trong thời gian đăng ký góp vốn.
- Trước 9 giờ của ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cuối cùng của giai đoạn đăng ký góp vốn, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ công bố cho nhà đầu tư và thông báo cho VSD, thành viên lập quỹ về danh mục chứng khoán cơ cấu góp vốn chính thức.

b. Thời gian thực hiện góp vốn:

Thời gian thực hiện góp vốn là khoảng thời gian nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải gửi hồ sơ đề nghị phong tỏa chứng khoán cơ cấu góp vốn lập quỹ cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và nộp tiền (nếu có) vào tài khoản phong tỏa của Quỹ ETF VFMVN30 tại Ngân hàng giám sát theo Thông báo phát hành chứng chỉ quỹ của Công ty quản lý quỹ VFM.

c. Hồ sơ thực hiện góp vốn được coi là hoàn tất khi:

- Nhà đầu tư đã hoàn tất hồ sơ đăng ký góp vốn thành lập quỹ, bao gồm Phiếu đăng ký góp vốn vào Quỹ ETF VFMVN30, Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn, bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn và văn bản xác nhận số dư của thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu để góp vốn (*theo mẫu*).
- Nhà đầu tư gửi hồ sơ đăng ký góp vốn thành lập quỹ đến các thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối trước thời hạn kết thúc góp vốn theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.

d. Những trường hợp góp vốn bằng tiền do:

- i. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF.
- ii. Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.

Các trường hợp thanh toán bằng tiền nêu trên, nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sẽ phải bảo đảm tiền được chuyển đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát vào ngày góp vốn cuối cùng của đợt chào bán.

e. Đối với phần góp vốn bằng tiền được đề cập tại điểm b.ii của 2.3.3:

- Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà Thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này. Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày hoàn tất mua thì số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh một cách tương ứng.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) nhỏ hơn số tiền mà Thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này, thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ ETF trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày hoàn tất mua thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng này trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF hoàn tất mua. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF được thành lập:

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ ETF đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng khoán mà Quỹ ETF chưa mua đủ được trong 7 (bảy) ngày làm việc (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) sẽ được Quỹ ETF quyết toán với thành viên lập quỹ dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ ETF tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ ETF thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu Quỹ ETF đã mua được) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền nhỏ hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này)

cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà Thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh sau ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ khi Quỹ ETF được thành lập) thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng không trễ hơn 2 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn mua 7 (bảy) ngày làm việc. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

2.3.4 Phong tỏa chứng khoán cơ cấu góp vốn

- Chứng khoán cơ cấu của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ dùng để góp vốn lập Quỹ ETF VFMVN30 sẽ bị phong tỏa theo đúng danh mục chứng khoán, tỷ lệ, số lượng chứng khoán cơ cấu mà Công ty quản lý quỹ VFM đã thông báo và phù hợp với số lô chứng chỉ quỹ ETF mà các nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đã đăng ký góp vốn hợp lệ.
- Thời gian phong tỏa chứng khoán cơ cấu là từ thời điểm VSD xác nhận phong tỏa cho đến khi các chứng khoán này được chuyển sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 trong trường hợp đợt phát hành thành công hoặc cho đến khi được giải tỏa theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Giải tỏa chứng khoán cơ cấu: Chứng khoán cơ cấu chỉ được giải tỏa trong trường hợp đợt phát hành không thành công hoặc trong trường hợp đặc biệt của nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ VFM xem xét chấp thuận.
- Hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện phong tỏa, giải tỏa chứng khoán cơ cấu được thực hiện theo quy định của VSD.

2.3.5 Xác định giao dịch góp vốn hợp lệ

- Trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn thực hiện góp vốn, VSD sẽ thực hiện kiểm tra số lượng chứng khoán cơ cấu đăng ký góp vốn và số tiền góp vốn (nếu có) có phù hợp với số lượng lô ETF mà nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đăng ký đặt mua.
- Trong trường hợp đầy đủ số lượng chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (kể cả trường hợp được nêu tại điểm b.ii, mục 2.3.3, phần X của Bản cáo bạch này) phù hợp với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua, VSD và ngân hàng giám sát phong tỏa chứng khoán cơ cấu và tiền góp vốn, và thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM để hoàn tất các thủ tục thành lập quỹ.
- Trong trường hợp số lượng chứng khoán cơ cấu và số tiền góp vốn (kể cả trường hợp được nêu tại điểm b.ii, mục 2.3.3, phần X của Bản cáo bạch này) không đủ so với số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF đăng ký đặt mua:
 - Thành viên lập quỹ, nhà đầu tư chỉ mua được số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF tương ứng với số lượng chứng khoán cơ cấu góp vốn và tiền góp vốn thực tế.
 - Số lượng lô chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đặt mua sẽ được Đại lý chuyển nhượng điều chỉnh xuống sao cho tròn lô chứng chỉ quỹ ETF (làm tròn xuống) tương ứng với số lượng chứng khoán cơ cấu góp vốn và tiền có trên thực tế. VSD sẽ thực hiện phong tỏa trên số lượng chứng khoán cơ cấu thực tế tương ứng với số lô chứng chỉ quỹ ETF đã điều chỉnh và thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM để hoàn tất các thủ tục thành lập quỹ.

- Các giao dịch đăng ký góp vốn không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục tương ứng với 1 (một) lô chứng chỉ quỹ ETF hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) hoặc không có hồ sơ đề nghị phong tỏa sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.

2.4 Phương thức phân phối chứng chỉ quỹ lần đầu

- Chứng chỉ quỹ sẽ được phân phối công bằng, công khai, trong thời hạn phát hành chứng chỉ quỹ và tuân thủ theo pháp luật hiện hành về giới hạn quyền sở hữu theo quy định pháp luật tại từng thời điểm.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành lần đầu được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ VFM không phát hành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ VFM hoàn tất việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF này với VSD.
- Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành lần đầu, bao gồm cả thời gian gia hạn, mà Quỹ chào bán không thành công hoặc các trường hợp khác theo thông báo của công ty quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đình chỉ, hủy đợt phát hành và công bố công khai theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Thông tư 229/2012/TT-BTC và các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải tuân thủ quy định tại Điều 22 và Điều 23 Luật Chứng khoán.

2.5 Xác nhận quyền sở hữu, đăng ký, lưu ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ do UBCKNN cấp có hiệu lực, VFM sẽ thực hiện việc đăng ký chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 phát hành lần đầu với VSD. Số lô chứng chỉ quỹ ETF mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đã đăng ký góp vốn hợp lệ sẽ được tự động lưu ký và phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. Quyền sở hữu của thành viên lập quỹ và nhà đầu tư đối với số chứng chỉ quỹ ETF nêu trên được xác lập từ thời điểm VSD lưu ký, phân bổ chứng chỉ quỹ vào tài khoản lưu ký. Ngày hiệu lực lưu ký đối với chứng chỉ quỹ ETF phát hành lần đầu đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại VSD.
- Chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn: Số lượng chứng khoán cơ cấu của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dùng để góp vốn lập quỹ đang bị phong tỏa sẽ được chuyển từ tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFM VN30 tại Ngân hàng giám sát. Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang cho Quỹ đồng thời là ngày hiệu lực đăng ký chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại VSD.
- Trình tự, thủ tục thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ ETF góp vốn sang tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng chỉ quỹ giao dịch hoán đổi do VSD ban hành.

2.6 Niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ VFM sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

2.7 Quy định về giao dịch của người có liên quan của Công ty VFM trong đợt phát hành

Căn cứ theo khoản 14 Điều 2 Thông tư 229/2012/TT-BTC và khoản 9 Điều 10 của Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý Quỹ mở, công ty quản lý quỹ và người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác.

3. GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ ETF VFMVN30 (GIAO DỊCH SƠ CẤP)

3.1 Quy định chung khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

a. Đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi:

- Là các thành viên lập quỹ được nêu tại Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật từ Công ty quản lý quỹ VFM.
- Là nhà đầu tư cá nhân, pháp nhân đáp ứng các điều kiện sau:
 - Nhà đầu tư có sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục cơ cấu theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30;
 - Nhà đầu tư có sở hữu tối thiểu 01 (một) lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.

b. Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi:

- Chứng khoán cơ cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM, thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng chỉ quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:

Đối với Thành viên lập quỹ:

- Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch hoán đổi.
- Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thành viên lập quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSD với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trên tài khoản tạm giữ.

Đối với Nhà đầu tư:

- Các chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đang sẵn có trên tài khoản lưu ký của nhà đầu tư.

c. Thời gian giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ:

- Ngày giao dịch hoán đổi đầu tiên sẽ được thực hiện sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực. Tần suất giao dịch hoán đổi được tổ chức định kỳ hàng tuần, vào ngày Thứ Ba.

Tần suất giao dịch hoán đổi sẽ được thay đổi theo lộ trình dự kiến như sau:

- Giao dịch hàng tuần, vào ngày Thứ Ba trong 1 (một) tháng kể từ ngày giao dịch hoán đổi đầu tiên.
- Giao dịch 2 lần/tuần, vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm trong 1 (một) tháng kế tiếp.
- Giao dịch hàng ngày kể từ tháng thứ 3 tính từ ngày giao dịch đầu tiên.

Thời gian giao dịch hoán đổi định kỳ sẽ được quy định như sau:

- Thời gian giao dịch: từ 9 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày làm việc.

- Thời gian giao dịch: từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút trong trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ.

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ có thông báo cụ thể khi có sự thay đổi về tần suất, thời gian giao dịch hoán đổi này và các thời điểm liên quan khác.

- Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ, VSD, ngân hàng giám sát về danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF và chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu hoán đổi và giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF trước 9 giờ 00 phút ngày giao dịch hoán đổi (gọi là ngày T), ngoại trừ trường hợp ngày chốt giá trị tài sản ròng (NAV) rơi vào ngày nghỉ, lễ thì thông tin trên sẽ được thông báo trước 13 giờ 00 phút trong ngày giao dịch hoán đổi. Danh mục chứng khoán cơ cấu này được xác định trên cơ sở giá cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và bao gồm các thông tin về mã chứng khoán cơ cấu, tỷ trọng và số lượng mã chứng khoán cơ cấu trong danh mục.
- Nếu ngày giao dịch hoán đổi rơi vào ngày nghỉ Lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ.

d. Thời điểm đóng sổ lệnh:

Là 14 giờ 30 phút tại ngày giao dịch hoán đổi (ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi và gửi đến Đại lý chuyển nhượng.

e. Phương thức giao dịch:

- Nhà đầu tư đăng ký đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 thông qua thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định được kèm theo trong Phụ lục 1 của Bản cáo bạch này hoặc theo thông báo cập nhật (nếu có) từ Công ty quản lý quỹ VFM.
- Lệnh giao dịch hoán đổi (*theo mẫu*) của đối tượng tham gia giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến Đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh. Nhà đầu tư có thể thực hiện đặt nhận lệnh giao dịch qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của thành viên lập quỹ, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán. Phiếu lệnh gốc cần được gửi đến thành viên lập quỹ trong vòng 3 (ba) ngày kể từ thời điểm đóng sổ lệnh.
- Những trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền do:
 - Phát sinh chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá phát hành của lô chứng chỉ quỹ ETF.
 - Những mã chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ bị hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật, hoặc thành viên lập quỹ chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
- Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi được coi là hoàn tất khi:
 - Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào hồ sơ bao gồm Phiếu đặt lệnh giao dịch quỹ ETF VFMVN30, Bảng kê chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF sử dụng để giao dịch hoán đổi và văn bản xác nhận số dư của thành viên lưu ký nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu/chứng chỉ quỹ ETF để thực hiện giao dịch (*theo mẫu*).
 - Nhà đầu tư gửi hồ sơ đặt lệnh đến các thành viên lập quỹ hoặc đại lý phân phối trong thời gian thực hiện giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
- Lệnh giao dịch hoán đổi chỉ được thực hiện khi VSD bảo đảm thành viên lập quỹ, nhà đầu tư có đầy đủ danh mục chứng khoán cơ cấu kể cả các trường hợp hoán đổi bổ sung bằng tiền nêu trên hoặc số lô chứng chỉ quỹ để hoàn tất cho việc thanh toán vào ngày thanh toán.

- Các lệnh giao dịch hoán đổi được chuyển đến sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được xem là không hợp lệ và tự động huỷ trong cùng kỳ giao dịch. Nếu nhà đầu tư, thành viên lập quỹ muốn thực hiện tiếp các lệnh giao dịch của mình thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ phải đăng ký giao dịch lại tại kỳ giao dịch kế tiếp và quỹ sẽ hoàn trả lại khoản tiền chênh lệch (nếu có) cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.
- Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đến tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát trước 11 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, và ngược lại Quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trong ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi.

f. Điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch:

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ chỉ được điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Việc điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư được thực hiện tại các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đặt lệnh. Nhà đầu tư phải nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh hoặc hủy lệnh giao dịch.
- Việc thực hiện điều chỉnh hoặc hủy các lệnh giao dịch hoán đổi sau thời điểm đóng sổ lệnh chỉ được xem xét xử lý trong trường hợp do lỗi của thành viên lập quỹ nhập sai số lượng ETF mua, bán của nhà đầu tư trong quá trình nhập lệnh giao dịch hoán đổi của nhà đầu tư vào hệ thống của Đại lý chuyển nhượng.

g. Thời hạn xác nhận giao dịch:

Vào ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày hoán đổi (ngày T+2), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ; và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.

h. Thời hạn tiếp nhận và hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ:

- Trước 11 giờ ngày T+1, một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi, Quỹ ETF tiếp nhận các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại điểm 3.3, Phần X của Bản cáo bạch này.
- Vào ngày T+3, ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoán đổi, Quỹ ETF hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại điểm 3.4, Phần X của Bản cáo bạch này.

3.2 Nguyên tắc xác định giá giao dịch hoán đổi

- Giá giao dịch hoán đổi sẽ được xác định tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi và công bố đến nhà đầu tư vào ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Công ty quản lý quỹ VFM và theo các quy định về công bố thông tin.
- Giá giao dịch hoán đổi một lô chứng chỉ quỹ được xác định như sau:
 - Giá phát hành: là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ.
Giá phát hành này được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch cộng thêm phí phát hành.
 - Giá mua lại: là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư.
Giá mua lại được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại.

3.3 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và yêu cầu phong tỏa chứng khoán cơ cấu hoán đổi trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu thấp hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF. Với phần chênh lệch phát sinh này, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm tiền được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 11 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1). Phần thanh toán bằng tiền bao gồm khoản thanh toán cho các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ thực hiện hoán đổi trong trường hợp được đề cập tại điểm e, mục 3.1, phần X, các khoản cổ tức, trái tức của chứng khoán cơ cấu và các khoản thanh toán bằng tiền khác (nếu có).
- Đối với phần góp vốn bằng tiền của thành viên lập quỹ được đề cập tại điểm e, mục 3.1, phần X:

- Trường hợp Quỹ ETF hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ (ngày T+2):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới trả cho công ty chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để mua trên sàn giao dịch để có được đủ số lượng các mã chứng khoán này. Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua thì số lượng các mã chứng khoán cơ cấu cần mua này sẽ được điều chỉnh một cách tương ứng.

Trong vòng 2 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán này, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra để mua đủ số lượng các mã chứng khoán này. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) nhỏ hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Trường hợp số tiền thực tế mà Quỹ ETF đã chi ra (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này), thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu này cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến ngày hoàn tất mua thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng này trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF hoàn tất mua. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- Trường hợp Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong vòng 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ (ngày T+2):

Quỹ ETF sẽ quyết toán lại với thành viên lập quỹ trên cơ sở số tiền thực tế (gồm cả phí môi giới chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) tương ứng với số lượng thực tế của các mã chứng khoán này mà Quỹ ETF đã mua được. Số lượng còn lại của các mã chứng

khoán mà Quỹ ETF chưa mua đủ được trong 7 (bảy) ngày làm việc (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ (ngày T+2)) sẽ được Quỹ ETF quyết toán với thành viên lập quỹ dựa trên giá đóng cửa của mã chứng khoán tương ứng của Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) vào ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ (ngày T+2)) cộng với chi phí liên quan (phí môi giới, phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) để Quỹ ETF tự mua cho đủ số lượng các mã chứng khoán còn thiếu này sau đó.

Trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ khi Quỹ ETF không hoàn tất được việc mua đủ số lượng các mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ được góp bằng tiền trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thông báo cho thành viên lập quỹ phần chênh lệch thừa hoặc thiếu giữa số tiền liên quan đến mã chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp vốn bằng tiền và tổng số tiền (gồm cả phí môi giới chứng khoán và phí giao dịch chứng khoán trả cho ngân hàng lưu ký) mà Quỹ ETF thực tế đã chi ra (cho số lượng mã chứng khoán cơ cấu Quỹ ETF đã mua được) cộng với số tiền mà Quỹ ETF sẽ chi ra để Quỹ ETF có thể mua đủ số lượng mã chứng khoán cơ cấu còn lại. Quỹ ETF sẽ hoàn trả phần chênh lệch thừa (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền nhỏ hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho thành viên lập quỹ trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thừa này. Thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả phần chênh lệch thiếu (nếu số tiền mà Quỹ ETF đã chi ra và sẽ chi ra để mua đủ số lượng chứng khoán cơ cấu mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền lớn hơn số tiền mà thành viên lập quỹ đã góp bằng tiền cho các mã chứng khoán này) cho Quỹ ETF trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Công ty quản lý quỹ VFM thông báo số tiền chênh lệch thiếu này. Số tiền chênh lệch thiếu này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

Trường hợp có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền) phát sinh kể từ ngày giao dịch (ngày T) đến hết ngày làm việc thứ 7 (kể từ ngày Quỹ ETF xác nhận kết quả giao dịch hoán đổi cho thành viên lập quỹ (ngày T+2)) thì thành viên lập quỹ sẽ hoàn trả cho Quỹ ETF số cổ tức bằng tiền tương ứng không trễ hơn 2 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn mua 7 ngày làm việc. Giá trị cổ tức bằng tiền này sẽ được hạch toán vào thu nhập của Quỹ ETF.

- Trường hợp giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu nhiều hơn giá trị tài sản ròng của các lô chứng chỉ quỹ ETF, phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ 3 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3).
- Vào ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+2), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ chứng khoán cơ cấu theo danh mục để hoán đổi hoặc không nộp đủ tiền (nếu có) tại thời điểm kiểm tra sẽ xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
Các lệnh hoán đổi lấy chứng chỉ quỹ ETF có đầy đủ chứng khoán cơ cấu và nộp đủ tiền (nếu có) sẽ được thực hiện, và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được phân bổ chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm vào tài khoản lưu ký của mình.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sang tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 và việc đăng ký và lưu ký chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm được thực hiện theo quy định của VSD.
- Ngày hiệu lực đăng ký bổ sung chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành thêm tại VSD đồng thời là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sang quỹ ETF.

3.4 Thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Nhà đầu tư gửi cho thành viên lập quỹ, đại lý phân phối hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu và yêu cầu phong tỏa chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên tài khoản lưu ký của mình trong thời gian phiên giao dịch theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM. Hồ sơ đặt lệnh giao dịch hoán đổi phải được điền đầy đủ thông tin và được thành viên lập quỹ gửi đến đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ VFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư nhiều hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu. Phần chênh lệch này được Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát hoàn trả lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bằng tiền mặt vào ngày làm việc thứ 3 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+3).
- Trong trường hợp giá trị các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mà Công ty quản lý quỹ VFM tiếp nhận từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thấp hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư bảo đảm thanh toán phần chênh lệch này vào tài khoản của Quỹ ETF VFMVN30 tại ngân hàng giám sát trước 11 giờ của ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+1).
- Trường hợp thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF VFM VN30, số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại của thành viên lập quỹ sau khi bán không được thấp hơn số lượng lô chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tư cách là thành viên lập quỹ theo quy định tại hợp đồng ký với Công ty quản lý quỹ VFM.
- Vào ngày ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+2), VSD sẽ thực hiện kiểm tra các lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF của nhà đầu tư và thành viên lập quỹ. Các lệnh không đủ số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 để hoán đổi hoặc các lệnh của thành viên lập quỹ dẫn đến số lượng chứng chỉ quỹ ETF còn lại thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách thành viên lập quỹ sẽ coi là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện.
- Các lệnh hoán đổi có đầy đủ chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ được nhận lại danh mục chứng khoán cơ cấu vào tài khoản lưu ký của mình.
- Việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 sang tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ và việc hủy đăng ký, rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại được thực hiện theo quy định của VSD.
- Ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu từ Quỹ ETF VFMVN30 sang thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và ngày hiệu lực rút lưu ký chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sẽ đồng thời với ngày hiệu lực hủy đăng ký số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 mua lại tại VSD.
- Nhà đầu tư tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) cho các giao dịch hoán đổi áp dụng theo quy định của pháp luật.

3.5 Trường hợp sở hữu chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ theo luật định

Trường hợp Quỹ ETF VFMVN30 tiếp nhận các lô chứng chỉ quỹ ETF của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư và hoàn trả danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới tỷ lệ sở hữu đối với chứng khoán cơ cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật (tính tại thời điểm 9 giờ 30 ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch hoán đổi (ngày T+2)), hoặc dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó, thì Trung tâm Lưu ký Chứng khoán sẽ có trách nhiệm thông báo cho Công ty quản lý quỹ VFM và yêu cầu Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, nhà đầu tư thực hiện:

- 1) Trường hợp là nhà đầu tư nước ngoài, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho nhà đầu tư bằng hình thức chuyển khoản.
- 2) Trường hợp hoán chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư dẫn tới thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó sở hữu trên 25% số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức, hoặc thành viên lập quỹ, nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó chưa thực hiện thủ tục chào mua công khai hoặc giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, thì Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm bán phần chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải thực hiện chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đó và thanh toán bằng tiền cho thành viên lập quỹ, các nhà đầu tư này.

Việc thanh toán tiền cho các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư quy định tại mục 1), 2) nêu trên phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá các tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải thực hiện chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho nhà đầu tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định của pháp luật liên quan.

Trong quá trình Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện bán các chứng khoán cơ cấu vượt quá tỷ lệ nêu ở mục này nếu số chứng khoán này được hưởng cổ tức hoặc quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM thực hiện như sau:

- Đối với cổ tức bằng tiền thì nhà đầu tư, thành viên lập quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ ETF nhận được khoản tiền cổ tức này.
- Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thanh toán bằng tiền sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán thành công.
- Đối với quyền mua thì Công ty quản lý quỹ VFM sẽ sử dụng tiền từ việc bán số chứng khoán đó để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện nhỏ hơn giá thị trường tại ngày thực hiện quyền, sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.

Những khoản thanh toán liên quan đến việc hưởng cổ tức hoặc quyền nêu trên sẽ được thực hiện sau 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Quỹ ETF nhận tiền hoặc thực hiện việc bán thành công các cổ tức hoặc quyền này.

Trên cơ sở thông báo của VSD, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO), tiếp theo là tỷ lệ trên cơ sở khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh. Ngay khi phát sinh, số lượng chứng khoán này sẽ được hạch toán tách khỏi tài sản của quỹ. Ngân hàng giám sát sẽ thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư theo kết quả tính toán và phân bổ của công ty quản lý quỹ VFM.

Trường hợp Quỹ có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán chứng khoán để hoàn tiền lại cho thành viên lập quỹ, nhà đầu tư trong các trường hợp nêu ở mục này.

- 3) Trường hợp là các nhà đầu tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định của pháp luật hoặc quy định tại điều lệ của nhà đầu tư đó, nhà đầu tư có trách nhiệm bán số chứng khoán cơ cấu vượt hạn chế sở hữu trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán.

3.6 Thực hiện tạm ngừng giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

1. Công ty quản lý quỹ VFM có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 từ nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a. Sở Giao dịch Chứng khoán thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu;
 - b. Tổ chức phát hành chứng khoán trong danh mục đầu tư chiếm từ 1% NAV của Quỹ ETF VFMVN30 bị phá sản, giải thể, bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết; hoặc danh mục chứng khoán

cơ cấu, giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30 không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước ngày giao dịch hoán đổi do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

- c. Cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu;
 - d. Công ty quản lý quỹ VFM, ngân hàng giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do nguyên nhân bất khả kháng;
 - e. Các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ quỹ.
2. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1, mục 3.6 này, Công ty quản lý quỹ VFM phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sẽ phải nổi lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho nhà đầu tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
 3. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng không được kéo dài quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch hoán đổi gần nhất. Trường hợp tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại điểm a, b khoản 1, mục 3.6 này, thời hạn tạm ngừng nhận, thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi tối đa ba (03) ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó theo thông báo của Công ty quản lý quỹ VFM.
 4. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, công ty quản lý quỹ phải tổ chức đại hội nhà đầu tư bất thường hoặc lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư bằng văn bản về việc giải thể quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập đại hội nhà đầu tư.

3.7 Thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (như cho, biếu, tặng, thừa kế...) chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu các chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK được quy định tại Quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán do VSD ban hành.

3.8 Xác nhận giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

- Vào ngày làm việc thứ 2 kể từ ngày hoán đổi (ngày T+2), đại lý chuyển nhượng sẽ xác nhận hoàn tất giao dịch theo đó nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ ETF sẽ nhận được chứng chỉ quỹ ETF, và nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu sẽ nhận được danh mục chứng khoán cơ cấu về tài khoản lưu ký chứng khoán của mình.
- Việc chuyển danh mục chứng khoán cơ cấu từ tài khoản lưu ký của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ ETF VFMVN30 hoặc ngược lại, và việc đăng ký, lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm, hủy đăng ký, rút lưu ký đối với số chứng chỉ quỹ ETF mua lại trên tài khoản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ được thực hiện theo quy định của VSD.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 phát hành thêm do thực hiện giao dịch hoán đổi được phát hành dưới hình thức chứng khoán ghi sổ và Công ty quản lý quỹ VFM không phát hành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng chỉ quỹ ETF. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF phát hành thêm mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư được nhận sẽ được VSD phân bổ vào tài khoản lưu ký của thành viên lập quỹ, nhà đầu tư ngay sau khi Công ty quản lý quỹ VFM hoàn tất việc đăng ký bổ sung chứng chỉ quỹ ETF này với VSD.
- Chứng chỉ quỹ Quỹ ETF VFMVN30 được Quỹ mua lại do nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi sẽ bị hủy bỏ đồng thời bị hủy đăng ký tại VSD.

4. CÁC TRƯỜNG HỢP GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI KHÔNG HỢP LỆ

Những trường hợp sau đây được xem là giao dịch không hợp lệ:

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ gửi lệnh giao dịch hoán đổi cho đại lý chuyển nhượng sau thời điểm đóng sổ lệnh.
- Số lượng chứng khoán cơ cấu hoặc chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 dùng để hoán đổi không đủ tương ứng theo lệnh đã đặt tại thời điểm VSD kiểm tra theo quy định của Bản cáo bạch này.
- Tiền chênh lệch, các loại phí dành cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ không thanh toán đúng thời hạn.

Các lệnh giao dịch không hợp lệ nêu trên sẽ không được thực hiện.

5. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (GIAO DỊCH THỨ CẤP)

- Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh theo nguyên tắc sau:
 - Nhà đầu tư, thành viên lập quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
 - Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh nơi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 niêm yết;
 - Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Thành viên lập quỹ chỉ được bán chứng chỉ Quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) trên hệ thống của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh khi bảo đảm có đủ chứng chỉ quỹ ETF (hoặc chứng khoán cơ cấu) để bán vào ngày thanh toán theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Số chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 (chứng khoán cơ cấu) này bao gồm số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) đã có sẵn trên tài khoản của thành viên lập quỹ tại ngày thực hiện giao dịch, số chứng chỉ quỹ ETF (số chứng khoán cơ cấu) nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở danh mục chứng khoán cơ cấu (số chứng chỉ quỹ ETF) có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán đã thực hiện thành công trước đó.

6. CÔNG BỐ GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG VÀ TÌNH HÌNH GIAO DỊCH

6.1 Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

- Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm hàng ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ.
- Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ do Công ty quản lý quỹ VFM hoặc do đơn vị cung cấp dịch vụ quản trị quỹ được ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ VFM chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc.
- Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện ngay trong ngày định giá. Giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM, Sở Giao dịch Chứng khoán, đại lý phân phối và thành viên lập quỹ theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng

khoản. Công ty quản lý quỹ VFM được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành và lấy đến hai (02) số thập phân. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào Quỹ.

6.2 Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

a. Công ty quản lý quỹ: Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;
- Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- Các khoản mục định giá (bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước ngày định giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;
- Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động của các yếu tố quan trọng khi định giá;
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với Ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

b. Ngân hàng giám sát:

- Ngân hàng giám sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công ty quản lý quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ được thực hiện theo các quy định của pháp luật và tại Điều lệ này. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công ty quản lý quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;
- Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công ty quản lý quỹ có hiệu lực;
- Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân hàng giám sát biết hoặc nghi ngờ

ràng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công ty quản lý quỹ không đáp ứng yêu cầu;

- Ngân hàng giám sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết thích hợp.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:

- Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ ETF VFMVN30 sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước ngày định giá.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành, và được lấy đến hai (02) số thập phân.
- Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số lô chứng chỉ quỹ đang lưu hành và được làm tròn đến hàng đơn vị.
- Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - Công ty quản lý quỹ phải thông báo cho Ngân hàng giám sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác.
 - Ngân hàng giám sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác trong kỳ.
- Giá trị tài sản ròng được xác định theo phương thức sau:

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền trong tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá yết hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán cho các giao dịch mua bán thông thường (outright) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế. ▪ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá hoặc chỉ có các giao dịch với giá có nhiều biến động bất thường theo quy định tại Sổ tay Định giá và đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> – Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận (được chi tiết trong Sổ tay Định giá); – Giá mua cộng lãi lũy kế; – Mệnh giá cộng lãi lũy kế.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
4.	Trái phiếu không niêm yết	Giá mua cộng lãi lũy kế.
5.	Chứng quyền gắn liền với trái phiếu chuyển đổi	Giá mua.
Cổ phiếu		
6.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. ▪ Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> – Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 12 tháng trước ngày định giá; – Giá mua (giá cost); – Giá trị sổ sách; – Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá trị sổ sách; ▪ Mệnh giá; ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
9.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
10.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh	Được quy định chi tiết bên dưới ở phần này.
Các tài sản khác		
12.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo các phương pháp được qui định của pháp luật cho phép.

Ghi chú:

- Lãi lũy kế: là khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.
- Các phương thức định giá được chi tiết tại Sổ tay Định giá.
- Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh:
 - Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
 - Khi tính giá trị cam kết, Công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ chấp thuận

Ghi chú:

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

1. CÁC LOẠI PHÍ DO NHÀ ĐẦU TƯ, THÀNH VIÊN LẬP QUỸ TRẢ

1.1 Phí phát hành

a. Phí phát hành áp dụng cho giai đoạn phát hành lần đầu ra công chúng (IPO)

- Là phí mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi mua lô chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng. Phí này được thu khi phát hành lần đầu và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch của một lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
- Phí phát hành áp dụng như sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

b. Phí phát hành áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30

- Là phí mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi mua lô chứng chỉ quỹ tại những kỳ giao dịch hoán đổi, sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được thành lập. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
- Phí phát hành áp dụng như sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

1.2 Phí mua lại áp dụng cho giao dịch hoán đổi chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 lấy chứng khoán cơ cấu

- Là phí mà thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải trả khi thực hiện hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu sau khi Quỹ ETF VFMVN30 được thành lập. Phí này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30.
- Phí này sẽ được căn trừ vào số tiền chênh lệch (trường hợp giá trị lô ETF lớn hơn giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu). Nếu số tiền chênh lệch nhỏ hơn phí mua lại thì thành viên lập quỹ, nhà đầu tư phải đảm bảo phần chênh lệch tiền còn thiếu này được thanh toán vào tài khoản của Quỹ ETF tại ngân hàng giám sát không trễ hơn vào 11 giờ ngày T+1, một (1) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi.
- Phí mua lại áp dụng như sau:
 - Đối với thành viên lập quỹ làm thành viên tạo lập thị trường là 0% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với thành viên lập quỹ là 0,1% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.
 - Đối với nhà đầu tư là 0,15% trên giá trị giao dịch của lô chứng chỉ quỹ.

2. CÁC LOẠI PHÍ DO QUỸ TRẢ

a. Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý là 0,65% giá trị tài sản ròng của Quỹ ETF VFMVN30/năm tài chính. Phí này được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ ETF VFMVN30.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ 0,65% phí quản lý (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí quản lý là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

b. Phí lưu ký và giám sát

- Phí giám sát, lưu ký được trả cho Ngân hàng Giám sát và lưu ký để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát, lưu ký cho Quỹ. Phí được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Phí giám sát là 0,02% NAV/năm.
- Phí lưu ký tối đa là 0,06% NAV/năm. Mức phí này chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán là 100,000 đồng/giao dịch, không bao gồm các giao dịch hoán đổi.
- Mức phí trên không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, phí rút chứng khoán chưa niêm yết, v.v....
- Công thức tính phí giám sát, lưu ký vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí giám sát, lưu ký (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí giám sát, lưu ký là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.

c. Chi phí dịch vụ quản trị quỹ

- Phí dịch vụ quản trị quỹ là mức phí do Quỹ ETF VFMVN30 trả cho Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ.
- Phí dịch vụ quản trị quỹ tối đa là 0,035% NAV/năm.
- Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Phí dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % phí dịch vụ quản trị quỹ (năm) x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí dịch vụ quản trị quỹ tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Tổng phí giám sát, lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu hàng tháng là 42 triệu/tháng trong hai năm đầu tiên và từ năm thứ ba trở đi thì mức phí tối thiểu này là 50 triệu/tháng.
- Tổng phí giám sát, lưu ký, phí dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng tối đa là 0.5% NAV/năm.
- Luôn luôn áp dụng mức tối thiểu nêu trên.

d. Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối đa là 0,02% NAV/năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng để thực hiện các dịch vụ đại lý chuyển nhượng được nêu tại Điều lệ của Quỹ ETF VFMVN30.
- Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng tối thiểu là 5 triệu đồng mỗi tháng.
- Công thức tính phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng = Mức phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng cố định hàng tháng/ số ngày thực tế của tháng x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá

- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng.

e. Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu

- Phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu tối đa là 0,02% NAV/năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu. Phí của năm đầu tiên, mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập, là 0 đồng.
- Công thức tính phí quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

$$\text{Phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

f. Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV)

- Phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu tối đa là 0,02% NAV/năm và tối thiểu là 50 triệu đồng/năm. Phí này do Quỹ ETF VFMVN30 chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu. Phí của năm đầu tiên, mười hai (12) tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của chứng chỉ quỹ ETF tại HOSE, là 0 đồng.
- Công thức tính phí cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

$$\text{Phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu cho kỳ định giá} = \text{Tỷ lệ \% phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (năm)} \times \text{NAV tại ngày trước ngày định giá} \times \text{số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)}$$
- Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì phí trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng số phí tại các kỳ định giá trong tháng.
- Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công ty quản lý quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu.

g. Các loại phí và lệ phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

- Phí giao dịch, bao gồm chi phí môi giới, phí chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán. Các khoản chi phí này không bao gồm bất kỳ một loại chi phí nào khác, kể cả đó là phí trả cho dịch vụ khác hoặc phí trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
- Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán; dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ khác, thù lao trả cho Ban đại diện quỹ.
- Chi phí dự thảo, in ấn, gửi điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
- Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ
- Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
- Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ.

- Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
- Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
- Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;
- Chi về bảo hiểm (nếu có);
- Phí nộp cơ quan quản lý (phí xin giấy phép quỹ);
- Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
- Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
- Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG

3.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

Chi phí hoạt động của Quỹ là các khoản chi phí sau thuế nêu tại mục 1.3 và 1.4 trên.

- a. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM, thành viên lập quỹ, đại lý phân phối sau khi giá trị này đã được ngân hàng giám sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong 12 tháng gần nhất} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong 12 tháng gần nhất}}$$

- b. Trường hợp quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} \times 365 \text{ ngày} \times 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian quỹ đã hoạt động (tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)}}$$

3.2 Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error-TE)

Mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu của tuần hiện tại (t) được xác định theo công thức sau:

$$TE_t = \sqrt{n} \sqrt{\frac{1}{n-1} \sum_{i=-n}^{-1} (R_i - \bar{R})^2}$$

Trong đó: R_i là mức chênh lệch giữa biến động giá trị tài sản ròng của Quỹ và biến động của chỉ số tham chiếu của tuần thứ i trở về trước, kể từ tuần hiện tại (t), được xác định theo công thức sau:

$$R_i = \ln \left[\frac{NAV_i}{NAV_{i-1}} \right] - \ln \left[\frac{VN30_i}{VN30_{i-1}} \right] \quad \bar{R} = \frac{1}{n} \sum_{i=-n}^{-1} R_i \quad n = 26$$

Trường hợp thời gian hoạt động của Quỹ chưa tới sáu (06) tháng, n là số tuần, kể từ tuần giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực.

4. PHƯƠNG THỨC PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA QUỸ

- Cổ tức Quỹ có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty quản lý quỹ VFM và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ VFM phải thông báo đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư.
- Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:
 - Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại phần này.
 - Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ (nếu có).
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.
 - Mức chi trả lợi tức do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ quyết định, phù hợp với mục tiêu đầu tư, các quy định tại Điều lệ quỹ về chính sách phân chia lợi nhuận của Quỹ.
 - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Nguồn để phân phối cổ tức Quỹ phải thỏa các điều kiện sau:
 - Lợi nhuận lũy kế cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất phân phối lợi nhuận phải dương sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động theo quy định.
 - Nguồn chia là từ lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ trong quá trình hoạt động.
 - Sau khi trừ số lợi nhuận dự kiến sẽ phân phối cho nhà đầu tư, số lợi nhuận lũy kế còn lại cho đến cuối năm tài chính mà Công ty quản lý quỹ VFM đề xuất phân phối lợi nhuận vẫn phải lớn hơn hoặc bằng không (không được âm).
 - Đáp ứng nguyên tắc chi trả cổ tức của Quỹ nêu tại Bản cáo bạch này.
- Công ty quản lý quỹ VFM được phân chia cổ tức quỹ khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Công ty quản lý quỹ VFM phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối cổ tức cho nhà đầu tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phần cổ tức này sẽ do nhà đầu tư chịu.
- Cổ tức quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức quỹ.

5. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ ETF VFMVN30 chưa đi vào hoạt động, vì vậy chưa thể hiện được kết quả hoạt động. Sau khi Quỹ chính thức được thành lập, các thông tin về hoạt động của Quỹ sẽ được báo cáo, cập nhật tại các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối và Công ty quản lý quỹ VFM hoặc tại trang web www.vinafund.com.

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

6. ĐIỀU LỆ QUỸ

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

(Chi tiết các điều khoản Điều lệ được trình bày ở Dự thảo Điều lệ Quỹ ETF VFMVN30 đính kèm hồ sơ đăng ký chào bán Quỹ ETF VFMVN30 lần đầu ra công chúng)

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Chương I. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 chào bán

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

Điều 7. Ngân hàng giám sát

Chương II. CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Điều 9. Chiến lược đầu tư

Điều 10. Hạn chế đầu tư

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Chương III. NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

Điều 14. Tiêu chí, điều kiện tham gia giao dịch hoán đổi đối với nhà đầu tư

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

Điều 16. Giao dịch hoán đổi Danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 và ngược lại (giao dịch sơ cấp)

Điều 17. Giao dịch chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 trên Sở Giao dịch Chứng khoán (giao dịch thứ cấp)

Điều 18. Giá phát hành, giá mua lại

Điều 19. Thừa kế chứng chỉ quỹ

Chương IV. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 20. Đại hội nhà đầu tư

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư

Chương V. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện Quỹ

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Điều 28. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện Quỹ

Điều 29. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

Điều 30. Biên bản họp Ban đại diện Quỹ

Chương VI. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Chương VII. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ và hoạt động của ngân hàng giám sát

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

Chương VIII. CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 38. Các hoạt động được ủy quyền

Điều 39. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Điều 40. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan

Điều 41. Trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

Điều 42. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

Chương IX. THÀNH VIÊN LẬP QUỸ

Điều 43. Điều kiện lựa chọn Thành viên lập quỹ

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Thành viên lập quỹ

Điều 45. Tổ chức tạo lập thị trường

Chương X. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 46. Điều kiện lựa chọn Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ

Điều 47. Hoạt động của Đại lý phân phối

Chương XI. KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 48. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Điều 49. Năm tài chính

Điều 50. Chế độ kế toán & báo cáo tài chính

Chương XII. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 51. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Điều 52. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Chương XIII. LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 53. Thu nhập của Quỹ

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

Điều 55. Các loại phí do Quỹ trả

Điều 56. Chi phí hoạt động của Quỹ

Chương XIV. GIẢI THỂ QUỸ

Điều 57. Các điều kiện giải thể Quỹ

Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Chương XV. GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 59. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ

Chương XVI. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Công bố thông tin

Điều 61. Thay đổi điều lệ

Điều 62. Đăng ký điều lệ

Điều 63. Điều khoản thi hành

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

7. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Báo cáo hoạt động quỹ sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Báo cáo hoạt động của Quỹ sẽ được cung cấp tại các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chỉ định, và văn phòng Công ty quản lý quỹ VFM hoặc tại trang web của công ty www.vinafund.com.

CHƯƠNG XII: XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

- Công ty quản lý quỹ sẽ:
 - Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;
 - Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ sẽ được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
- Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện và công bố thông tin các báo cáo định kỳ, bất thường của Quỹ ETF VFMVN30 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm như sau:

- Công ty quản lý quỹ định kỳ hàng tháng, quý, năm gửi nhà đầu tư, thành viên lập quỹ thông kê giao dịch và báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ. Thời hạn cung cấp thông tin không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của nhà đầu tư, thành viên lập quỹ.
- Công ty quản lý quỹ cung cấp cho nhà đầu tư, thành viên lập quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ các tài liệu sau đây:
 - Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt;
 - Báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;
 - Báo cáo tổng kết về hoạt động quản lý quỹ bán niên và cả năm;
 - Báo cáo thống kê về phí giao dịch trong hoạt động đầu tư của Quỹ, bán niên và cả năm;
 - Báo cáo về hoạt động đầu tư của Quỹ, hàng tháng, bán niên và cả năm.
- Trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc phiên giao dịch tại ngày giao dịch hoán đổi, Công ty quản lý quỹ VFM công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Sở Giao dịch Chứng khoán các thông tin sau:
 - Danh mục chứng khoán cơ cấu đã sử dụng để hoán đổi;
 - Số lô chứng chỉ quỹ ETF đã phát hành, đã mua lại từ các thành viên lập quỹ, nhà đầu tư; chênh lệch so với ngày giao dịch hoán đổi trước đó;
 - Thông tin về khối lượng chứng chỉ quỹ ETF niêm yết, giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán; thông tin về biến động giá giao dịch chứng chỉ quỹ ETF, giá đóng cửa cuối ngày của chứng chỉ quỹ ETF, biến động giá so với ngày giao dịch trước đó;
 - Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ và biến động các giá trị này; biến động giá trị tài sản ròng tham chiếu trong ngày; chỉ số tham chiếu và biến động của chỉ số tham chiếu;
 - Việc tạm ngừng nhận và thực hiện các lệnh giao dịch hoán đổi (nếu có);
 - Sai lệch của cơ cấu đầu tư so với hạn chế đầu tư và việc điều chỉnh lại danh mục chứng khoán cơ cấu đầu tư (nếu có);
 - Việc định giá sai giá trị tài sản ròng của Quỹ (nếu có);
 - Giải thể quỹ (nếu có);
 - Thay thế Ngân hàng giám sát (nếu có);
 - Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có);
 - Các thông tin khác nếu có liên quan (nếu có).
- Định kỳ hàng tuần, Công ty quản lý quỹ công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu (tracking error - TE).
- Định kỳ sáu (06) tháng, cả năm, Công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty các nội dung sau:
 - Thông tin về hiệu quả hoạt động của quỹ ETF so với chỉ số tham chiếu (nếu có);
 - Thông tin về các hoạt động phân phối lợi nhuận (nếu có);
 - Tỷ lệ chi phí hoạt động quỹ ETF. Việc công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý II và Quý IV hàng năm.

Ngoài ra, có thể có các báo cáo khác được cung cấp từ Công ty quản lý quỹ trong phạm vi khả năng thực hiện được. Các báo cáo này sẽ được công bố trên trang web của công ty quản lý quỹ VFM tại www.vinafund.com.

CHƯƠNG XIV: ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC VÀ GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Mê Linh Point, 02 Ngô Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 3825 1488 Fax: (84-8) 3825 1489

Chi nhánh văn phòng tại Hà Nội:

Địa chỉ: Phòng 5A2, Tầng 5, Tòa nhà BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

Ngoài ra, nhà đầu tư cũng có thể liên hệ với tất cả các thành viên lập quỹ, đại lý phân phối chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN30 để được giải đáp các vấn đề liên quan.

CHƯƠNG XV: CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

CHƯƠNG XVI: PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ, Đại lý phân phối chỉ định.
2. Các biểu mẫu đề nghị liên quan đến các giao dịch đăng ký góp vốn thành lập quỹ và hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF.
3. Điều lệ Quỹ ETF VFMVN30.

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát

(đã ký và đóng dấu)

TRẦN MINH HƯỜNG

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 07 năm 2014

Chủ tịch Công ty quản lý quỹ VFM

(đã ký)

Dominic Scriven

Tổng Giám đốc Công ty quản lý quỹ VFM

(đã ký và đóng dấu)

TRẦN THANH TÂN

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI VÀ ĐỊA ĐIỂM CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH CỦA QUỸ ETF VFMVN30

(Áp dụng từ khi Quỹ ETF VFMVN30 được cấp giấy phép từ UBCKNN cho đến khi có thông báo mới)

1. Danh sách các Thành viên lập quỹ kiêm Đại lý phân phối:

❖ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH – HSC

Trụ sở chính tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 5-6 Tòa nhà A&B, 76 Lê Lai, Bến Thành, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3823 3299 Fax: (84-8) 3823 3301

Chi nhánh tại Hà Nội:

Địa chỉ: Lầu 4-5, Tòa nhà 66A Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3922 4693 Fax: (84-4) 3933 4822

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)

Trụ sở chính tại Hà Nội:

Địa chỉ: Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3928 8080 Fax: (84-4) 3928 9888

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, 233 Đồng Khởi, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 3914 6888 Fax: (84-8) 3914 7999

2. Danh sách các Đại lý phân phối khác:

Hiện tại Quỹ ETF VFMVN30 chưa có đại lý phân phối. Công ty quản lý quỹ VFM sẽ cập nhật đến nhà đầu tư trong trường hợp Quỹ có đại lý phân phối.

PHỤ LỤC 2: CÁC BIỂU MẪU ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GÓP VỐN THÀNH LẬP QUỸ VÀ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI QUỸ ETF VFMVN30

1. Giấy đăng ký góp vốn vào Quỹ ETF VFMVN30.
2. Giấy đề nghị phong tỏa và chuyển quyền sở hữu chứng khoán cơ cấu góp vốn.
3. Bảng kê chứng khoán cơ cấu góp vốn.
4. Văn bản xác nhận số dư của thành viên nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng chứng khoán cơ cấu để góp vốn.
5. Giấy đề nghị điều chỉnh và hủy lệnh giao dịch hoán đổi.
6. Lệnh giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF (kèm theo bảng kê chứng khoán cơ cấu và văn bản xác nhận số dư của thành viên nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng khoán cơ cấu).
7. Lệnh giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ ETF lấy chứng khoán cơ cấu (kèm theo bảng kê chứng chỉ quỹ ETF và văn bản xác nhận số dư của thành viên nơi nhà đầu tư mở có tài khoản sử dụng lưu ký chứng chỉ quỹ).



VIETFUND
MANAGEMENT

TRỤ SỞ CHÍNH

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Melinh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Hotline: +84 8 3825 1480

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Phòng 5A2, Lầu 5A, Tòa nhà BIDV Tower, 194 Trần Quang Khải
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com